

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 15/12/2022 14:09 15/12

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc hôm nay đảo chiều giảm nhẹ xuống quanh 20,3 tệ/kg, tương đương 69.000 đồng/kg do đà giảm tại khu vực miền Bắc trước áp lực nguồn cung heo ra thị trường tăng lên. Trong khi đó, giá heo các tỉnh miền Nam ghi nhận diễn biến tăng sau chuỗi giảm liên tiếp trong vòng 8 ngày trong bối cảnh số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm, mặt bằng giá dao động quanh 21 tệ/kg, tương đương 71.000 đồng/kg.
- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi kỳ hạn tháng 1-3/2023 cũng đã giảm trong phiên giao dịch hôm nay, dao động quanh 16,6-17,9 tệ/kg, tương đương 56-60.000 đồng/kg nhờ kỳ vọng sức tiêu thụ tốt hơn khi Trung Quốc nới lỏng chống dịch Covid 19.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, giá heo hơi vẫn duy trì mức giá phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, mức giá trên và dưới quãng này cũng có tùy vào biểu cân to/nhỏ và tùy vào chất lượng heo. Ở khu vực nuôi gột, các trại có xu hướng đẩy mạnh bán ra lượng heo vào tháng trước để tấp vào đợt mới, kíp xuất hàng Tết.

Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, nguồn cung heo có chiều hướng vẫn hơn giữ giá heo tiếp tục không có biến động mới, dao động từ 49-52.000 đồng/kg. Heo từ khu vực này vẫn được đóng ra Bắc tiêu thụ, trong đó có cả heo phục vụ nuôi gột và heo bán thịt luôn.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

Miền Bắc

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, lượng heo về chợ hôm nay tiếp tục đạt cao, đạt trên dưới 4.500 con, trong đó heo từ miền Trung/ miền Nam đưa ra tầm 12-13 xe. Giao dịch heo tại chợ vẫn chậm do ít khách, giá heo đầu vẫn được 55-56.000 đồng/kg, phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, hàng chân có cả mức dưới 45.000 đồng/kg, chợ vẫn còn tồn heo sang hôm sau.

Miền Nam

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay, lượng heo nhập lò đạt hơn 5.400 con, nhập chợ hơn 5.200 con, tương đương hôm qua. Chợ nay bán kém hơn, đầu và giữa phiên giao dịch linh xình, cuối phiên rút còn 52.000 đồng/kg trở lên với heo mỡ, 57-58.000 đồng/kg với heo ngon.

Điểm tin thị trường Gia cầm ngày 15/12/2022 11:42 15/12

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Dù nguồn cung gà vẫn chưa có lại tuy nhiên tiêu thụ không có nhiều cải thiện đáng kể, các công ty giết mổ thận trọng hơn trong việc thu mua khiến giá gà khó điều chỉnh tăng, đi ngang ngưỡng 9,48 tệ/kg-tương đương 32.300 đồng/kg.

- Nguồn cung vịt lông giữ ở mức thấp trong khi nhu cầu tiêu thụ ở phí Bắc cũng đang có những cải thiện hỗ trợ giá vịt tăng lại, lên quanh mức 9,92 tệ/kg-tương đương 33.800 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Gà trắng

- Tại miền Bắc, biểu gà to tại một số công ty vẫn hơn đây giá hàng đầu nhích nhẹ lên 27.000 đồng/kg. Theo đó, các trại dân cũng rục rịch tăng, lên phổ biến 24-26.000 đồng/kg. Theo nhận định của thương nhân, nguồn cung gà toàn miền Bắc nhìn chung vẫn còn dồi dào, gà trắng biểu to vẫn sẵn hàng bất khiến giá khó giữ nhịp tăng bền.

- Tại miền Nam, bất chấp lượng gà đông lạnh giá rẻ xuất ra thị trường tăng cao, giá gà lông vẫn tiếp đà tăng, lên phổ biến 36-38.000 đồng/kg do nguồn cung gà lông khan hàng cùng với tiêu thụ những dịp lễ cuối năm có tín hiệu tích cực.

- Lưu chuyển gà trắng: Gà trắng tại Thanh Hóa đang được gom chủ yếu vào Đà Nẵng, Nha Trang tiêu thụ, ước tính gần 10.000 con/ngày với giá lên xe 25-26.000 đồng/kg, giá xuống xe được 34-36.000 đồng/kg.

- Lưu chuyển gà Cam: Giá gà trắng miền Nam, Việt Nam tăng liên tục khiến gà từ Cam tiếp tục được đưa về miền Nam tiêu thụ tuy nhiên lượng đi nhỏ giọt do vướng nhiều thủ tục phức tạp.

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà các công ty không có điều chỉnh mới vào hôm nay, giao dịch 45-46.000 đồng/kg với gà ta lai CP 75 ngày và 53-55.000 đồng/kg với gà công ty nuôi 90 ngày. Nguồn cung gà trong dân có chiều hướng vẫn lại sau một thời gian dài bán ở mức tương đương thậm chí thấp hơn so với giá công ty. Điều này hỗ trợ giá dân lẫn công ty có thể sẽ ngưng giảm và quay đầu hồi phục trong thời gian tới.

- Tại miền Nam, nguồn cung gà mái khan hơn hỗ trợ mặt bằng giá gà ta lai Cp nuôi 75 ngày tăng lên quanh mức 46-48.000 đồng/kg.

- Lưu chuyển gà màu: Gà Japfa Nghệ An vẫn được đóng đều ra khu vực Hà Nội tiêu thụ với giá lên xe 55.000 đồng/kg tuy nhiên lượng đi rất ít chỉ khoảng 2-3.000 con/ngày.

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt giữ ổn định quanh mức 28-29.000 đồng/kg, tiêu thụ vịt tốt hơn cùng với lượng vịt tồn kho vẫn lại khiến người chăn nuôi kỳ vọng giá bán tại trại có khả năng hồi phục đạt điểm hòa vốn trong thời gian tới.

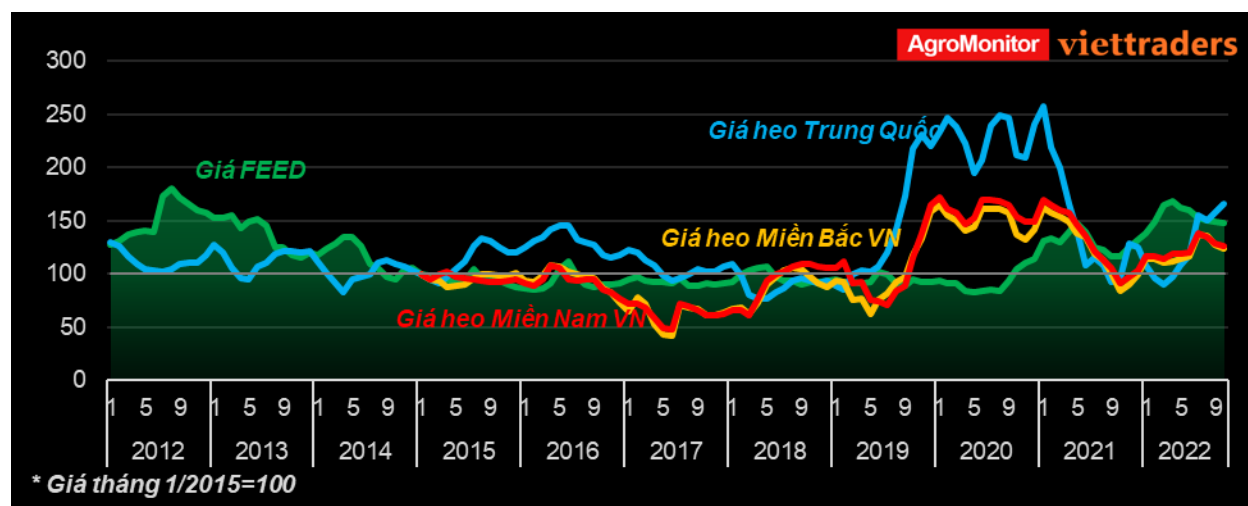
- Tại miền Nam, giá vịt chững lại sau mức tăng hôm qua, đi ngang ngưỡng 40-43.000 đồng/kg. Nhu cầu hồi mua của thương lái khá tốt trong khi nguồn cung vịt khỏe khan hiếm đẩy giá tăng tốt và neo ở mức cao trong một tuần trở lại đây.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ nay đạt tầm 3.000 con với giá gà nhập về không có nhiều biến động, chững lại mức 31.000 đồng/kg. Chợ bán chậm, giá bán ra duy trì quanh mức 30-34.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái.

Tương quan giá heo hơi Việt Nam, Trung Quốc và giá thức ăn chăn nuôi 15:12 13/10

Hình 1. Tương quan giá heo hơi Việt Nam, Trung Quốc và giá thức ăn chăn nuôi



Nguồn: AgroMonitor tính toán dựa trên nhiều nguồn

Ghi chú: Giá tháng 1/2015 = 100 tại tất cả các loại

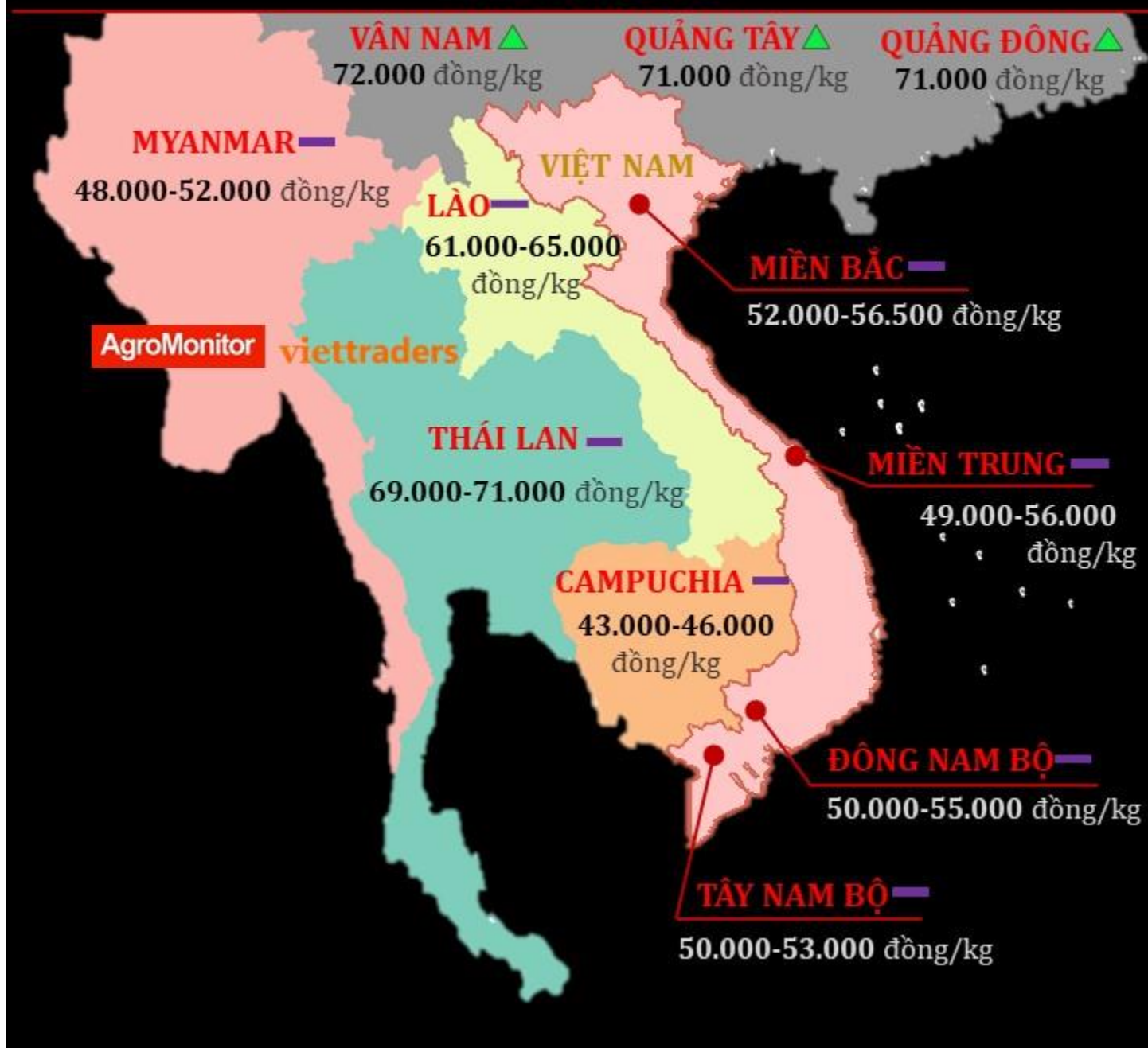
Tương quan giá Heo Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á ngày 15/12/2022 11:54 15/12

Tin giá heo hơi ngày 15/12/2022 – Cập nhật lúc 11h30

+ Tại **thế giới**, giá heo hơi Trung Quốc hôm nay đảo chiều giảm nhẹ xuống quanh 20,3 tệ/kg, tương đương 69.000 đồng/kg do đã giảm tại khu vực miền Bắc trước áp lực nguồn cung heo ra thị trường tăng lên. Trong khi đó, giá heo các tỉnh miền Nam ghi nhận diễn biến tăng sau chuỗi giảm liên tiếp trong vòng 8 ngày trong bối cảnh số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm, mặt bằng giá dao động quanh 21 tệ/kg, tương đương 71.000 đồng/kg.

+ Tại **Việt Nam**, mặt bằng giá heo hơi hôm nay không ghi nhận điều chỉnh mới, vẫn giữ tương đương so với hôm qua, phổ biến 52-53.000 đồng/kg tại miền Bắc và 49-52.000 đồng/kg tại miền Trung và miền Nam.

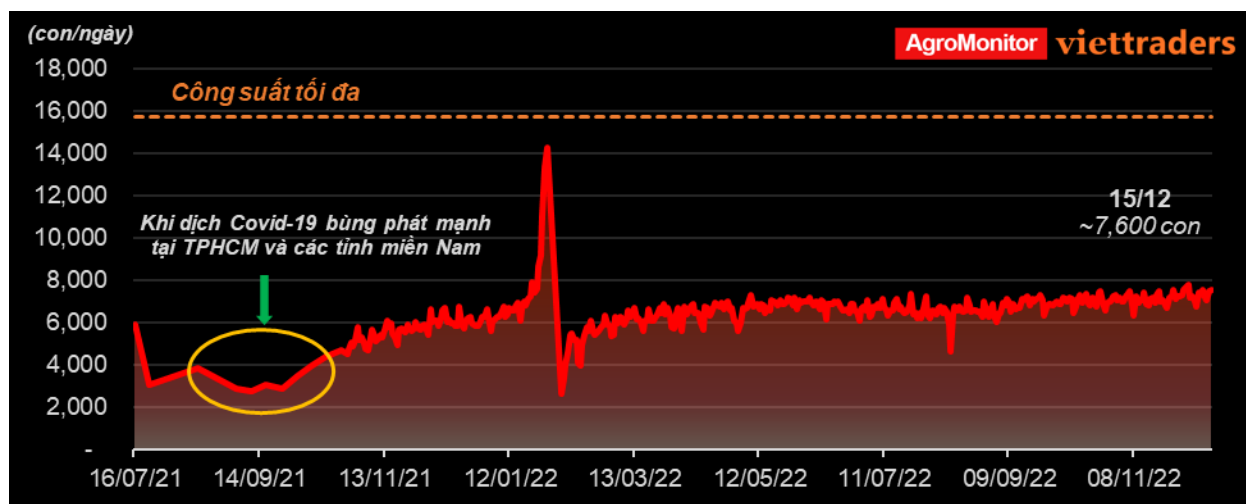
**TƯƠNG QUAN GIÁ HEO VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC
TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
NGÀY 15/12/2022**



Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 15/12/2022 (con/ngày) 10:18 15/12

Tại các lò mổ TP. HCM, tổng lượng heo đưa vào giết mổ trong 15 ngày đầu tháng 12 đạt gần 110.3 nghìn con, tăng 4.1% so với cùng kỳ tháng trước, tương ứng với mỗi ngày giết mổ nhiều hơn gần 300 con heo. Đồng thời, mức này cũng nhiều hơn trên 20% so với cùng kỳ năm 2021.

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 15/12/2022 (con/ngày)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Nhập khẩu Trâu/Bò sống về Việt Nam tính đến ngày 29/11/2022 18:21 02/12

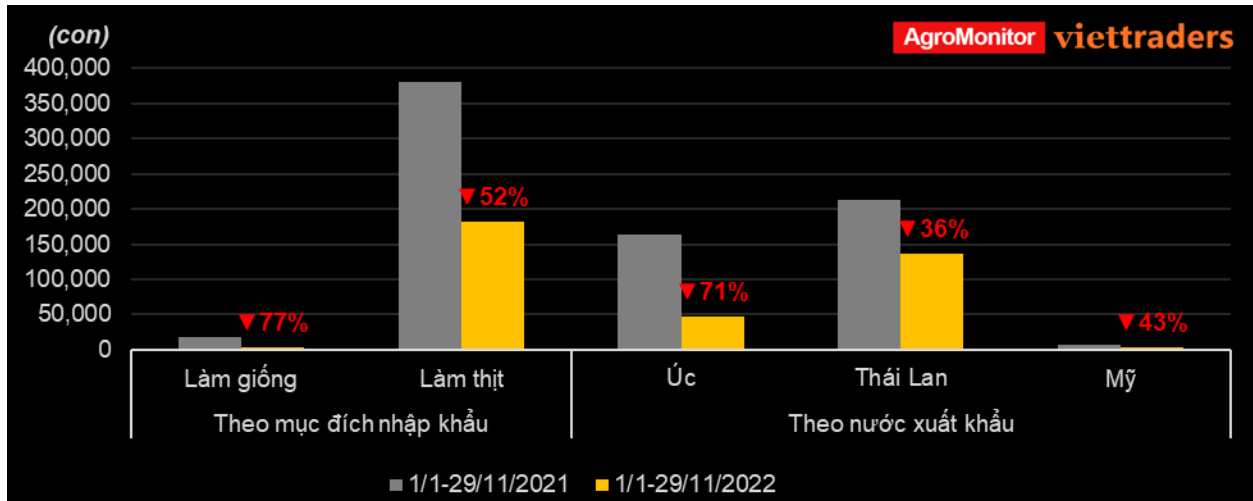
Tính chung cả bò giống và trâu/bò thịt, tổng lượng trâu/bò sống nhập về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 29/11 đạt trên 187,900 con, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 52.8%, tương ứng với lượng giảm trên 210,300 con.

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

- Kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong 29 ngày đầu tháng 11 giảm mạnh so với cùng kỳ tháng trước lần cùng kỳ năm trước. Theo số liệu thống kê sơ bộ, tổng giá trị nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong 29 ngày đầu tháng 11 đạt trên 13.96 triệu USD, giảm lần lượt 11.4% và 43.5% so với cùng kỳ tháng trước và cùng kỳ năm trước, chủ yếu do thiếu vắng những đơn hàng bò Úc nhập về. Tính chung, tổng kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 29/11 đạt trên 216.07 triệu USD, giảm 56.6% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

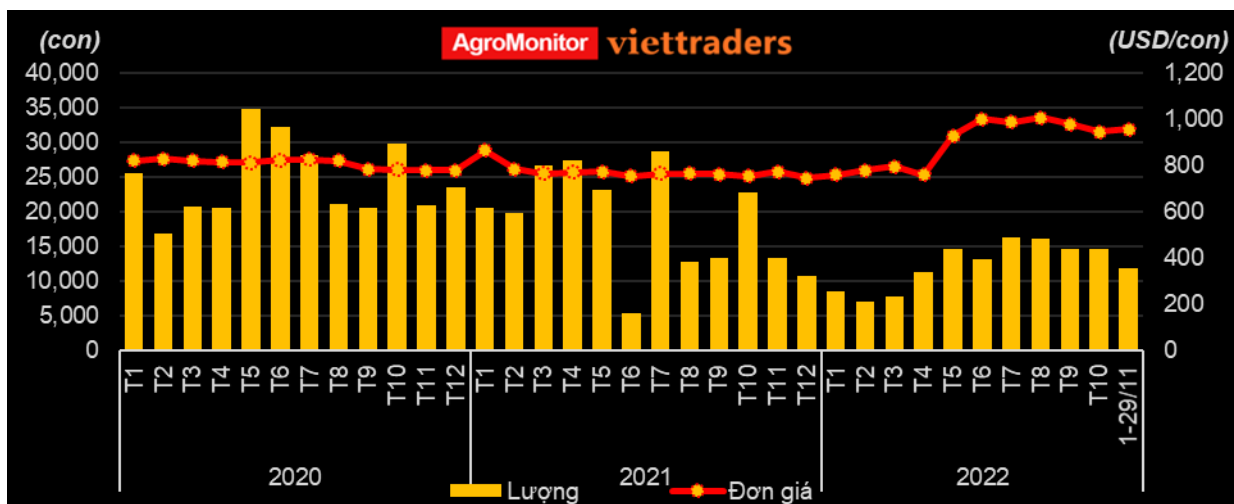
- Xét về lượng, trong tuần 23/11-29/11, lượng trâu/bò sống nhập về tăng gần 70% so với tuần trước đó, do có 2 đơn hàng bò Úc ghi nhận được nhập về. Theo số liệu thống kê, trong tuần kể trên tiếp tục có 2,709 con trâu/bò thịt được nhập về từ Thái Lan thông qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), đưa tổng lượng nhập về từ thị trường này trong năm 2022 tới ngày 29/11 đạt trên 135,800 con, giảm 36% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021. Đối với bò Úc, trong tuần kể trên Việt Nam ghi nhận 2 đơn hàng bò thịt nhập về với lượng gần 1,800 con, đưa tổng lượng bò Úc nhập khẩu về Việt Nam kể từ đầu năm tới ngày 29/11 đạt gần 47,800 con, giảm 71% so với mức 164,500 con cùng kỳ năm trước. Tính chung cả bò giống và trâu/bò thịt, tổng lượng trâu/bò sống nhập về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 29/11 đạt trên 187,900 con, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 52.8%, tương ứng với lượng giảm trên 210,300 con.

Hình 1. Lượng trâu/bò sống nhập khẩu về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 29/11 so với cùng kỳ năm trước (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 2. Lượng và đơn giá nhập khẩu trâu/bò thịt từ Thái Lan về Việt Nam năm 2020-29/11/2022 (con; USD/con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là DAF/DAP)

Điểm tin thị trường heo hơi tháng 11/2022 16:53 03/12

Điểm tin thị trường heo hơi tháng 11/2022

► Thị trường thế giới

- **Trung Quốc:** Sau khi tiếp tục giữ nhịp biến động yếu trong suốt nửa đầu tháng 11, giá heo hơi Trung Quốc đã ở trong vùng giảm cho tới tận cuối tháng. Vào đầu tháng 11, đà giảm của giá heo Trung Quốc đã xuất hiện rõ rệt hơn sau khi lô thịt heo đông lạnh thứ 7 trong năm 2022 tiếp tục được xuất bán với lượng 10,000 tấn, đưa tổng lượng bán ra trong cả 7 đợt lên 137,100 tấn trong bối cảnh tiêu thụ sụt giảm khi Trung Quốc tăng cường các biện pháp hạn chế hoạt động trong bối cảnh dịch Covid 19 bùng phát ngày càng rộng. Ở tuần tiếp theo, mặt bằng giá tiếp tục có diễn biến tương tự dù vẫn chịu áp lực ở phía tiêu thụ khi dịch Covid vẫn bùng phát mạnh trong khi nguồn cung heo Trung Quốc vẫn đạt cao, chủ yếu do được hỗ trợ bởi nhu cầu gom hàng của các

đơn vị sản xuất thực phẩm cho dịp cuối năm giúp giá heo không bị giảm sâu. Tuy nhiên, sự hỗ trợ này không giúp giá heo ổn định được lâu khi diễn biến giá có xu hướng mở rộng biên độ giảm kể từ giữa tháng do dịch Covid 19 liên tục bùng phát mạnh khi các thành phố của Trung Quốc, bao gồm cả thủ đô Bắc Kinh đều ghi nhận diễn biến tăng nhanh về số ca nhiễm Covid 19 mới sau khi nước này nới lỏng các hạn chế chống dịch khiến sức tiêu thụ trên thị trường nhanh chóng sụt giảm. Mặc dù thời tiết khắp các khu vực tại Trung Quốc lạnh hơn trong những ngày cuối tháng cùng việc nhu cầu mua heo sản xuất thịt hun khói và lạp xưởng vẫn có lai rai giúp giá heo nhích nhẹ trở lại vào những ngày cận cuối tháng 11, tuy nhiên bình quân cả tháng thì giá heo Trung Quốc vẫn ghi nhận mức giảm trên 7% so với tháng trước, đạt quanh 25.1 tệ/kg.

- Thái Lan: Giá heo Thái Lan mặc dù nhích nhẹ trong tháng 11 nhưng nhìn chung chưa có nhiều điều chỉnh rõ rệt dù tiêu thụ có chiều hướng tăng lên nhờ ngành du lịch đang từng bước phục hồi và nền kinh tế Thái Lan lấy lại đà tăng trưởng.

- Lào & Campuchia: Giá heo Campuchia liên tục chịu áp lực giảm ở phía nguồn cung heo có nhiều, trong khi heo Lào vẫn duy trì ở vùng giá cao trong suốt tháng.

- Mỹ: Giá heo nạc CME nhìn chung không có nhiều biến động trong tháng 11, xu hướng sản xuất và xuất khẩu thịt heo cũng không ghi nhận nhiều diễn biến mới dù đồng đô la Mỹ đã suy yếu trở lại giúp tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu.

- Brazil: Hoạt động xuất khẩu thịt heo Brazil vẫn khá tốt, giúp duy trì mặt bằng giá heo hơi ổn định trong suốt tháng 11, trong đó giá quy đổi USD/VND vẫn ghi nhận mức tăng khoảng 20% so với cùng kỳ năm trước.

- EU: Tiêu thụ chậm chạp trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt hơn khiến giá thân thịt heo các loại tại EU ít có biến động trong suốt tháng 11.

► Thị trường Việt Nam

Tại **miền Bắc**, dù giá heo hơi liên tục có những điều chỉnh trong tháng 11 vừa qua nhưng biên độ biến động không mạnh, vẫn nằm trong vùng giá trên 50.000 đồng/kg và dưới 60.000 đồng/kg. Xu hướng biến động của giá heo khu vực này được ví tương tự như biểu đồ hình Sin khi tăng/giảm cách quãng (giảm ở những đầu tháng, tăng tốt ở tuần thứ 2, đảo chiều giảm ở tuần thứ 3, sau đó lại bật tăng ở nửa đầu tuần 4 và lặp lại nhịp giảm ở những ngày cuối tháng), trong đó, mức giá cao nhất đạt quanh 56-57.000 đồng/kg, và mức thấp nhất ở vùng 50-52.000 đồng/kg. Sở dĩ giá heo miền Bắc có diễn biến như vậy là do:

[\(Đặt mua Báo cáo tháng Thị trường Gia súc số tháng 11/2022 tại đây\)](#)

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 15/12/2022 - Đang cập nhật 06:46 15/12

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
<i>Heo hơi</i>			

Heo công ty-Miền Bắc		53.500-56.500	53.500-56.500	53.500-56.500
Heo dân	Thái Bình	52.000-54.000	52.000-54.000	52.000-54.000
	Bắc Giang	52.000-54.000	52.000-54.000	52.000-54.000
	Hà Nội	52.000-54.000	52.000-54.000	52.000-54.000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		134.000-139.000	134.000-139.000	134.000-139.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.350.000-1.500.000	1.350.000-1.500.000	1.350.000-1.500.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	52.000-56.000	52.000-56.000	52.000-56.000
	Nam Trung Bộ	49.000-54.000	49.000-54.000	49.000-55.000
Heo dân	Nghệ An	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-53.000
	Bình Định	49.000-52.000	49.000-52.000	50.000-53.000
	Đắk Lắk	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-52.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	52.000-55.000	52.000-55.000	52.000-55.500
	Miền Tây	52.000-55.000	52.000-55.000	52.000-55.500
Heo dân	Đồng Nai	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-53.000
	Tiền Giang	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000
	Bến Tre	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		115.000-130.000	115.000-130.000	115.000-130.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.650.000-1.750.000	1.650.000-1.750.000	1.650.000-1.750.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.500.000-1.700.000	1.500.000-1.700.000	1.500.000-1.700.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 15/12/2022 11:41 15/12

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	24,500-27,000	24,500-26,500	21,500-27,500
	Miền Nam	36,000-38,000	36,000-38,000	32,000-35,000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	24,000-25,500	24,000-25,000	21,000-27,000
	Vĩnh Phúc	24,000-26,000	24,000-25,500	21,000-27,000
	Hà Nội	24,000-26,000	24,000-25,500	21,000-27,000
	Miền Trung			
	Thanh Hóa, Nghệ An	25,000-26,000	25,000-26,000	22,000-27,000
	Đà Nẵng	34,000	34,000	31,000
	Nha Trang	36,000	36,000	31,000-35,000
	Lâm Đồng	36,000-38,000	36,000-38,000	34,000-36,000
	Miền Nam			
	Bình Dương	36,000-38,000	36,000-37,000	33,000-36,000
	Bình Phước	36,000-38,000	36,000-37,000	33,000-36,000
	Đồng Nai	36,000-37,000	35,000-36,000	32,000-36,000

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Loại gà màu	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Miền Bắc			
Gà ta lai CP (nuôi 75 ngày)	45,000-46,000	45,000-46,000	45,000-46,000
Gà Dabaco (nuôi 90 ngày)	53,000-55,000	53,000-55,000	58,000
Gà Minh Dur (nuôi 90 ngày)	53,000-54,000	53,000-54,000	53,000-54,000
Miền Trung			
Gà ta lai CP (nuôi 75 ngày)	43,000-45,000	43,000-45,000	40,000-43,000
Gà Minh Dur (nuôi 90 ngày)	46,000-50,000	46,000-50,000	46,000-50,000
Miền Nam			
Gà ta lai CP (nuôi 75 ngày)	46,000-48,000	46,000-47,000	43,000-47,000
Gà Dabaco (nuôi 90 ngày)	50,000-52,000	50,000-52,000	50,000-55,000
Gà Minh Dur (nuôi 90 ngày)	49,000-50,000	49,000-50,000	45,000-52,000

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	28,000-29,000	28,000-29,000	26,000-29,000
Miền Trung – Vịt Grimaud	30,000-39,000	30,000-39,000	29,000-38,000

Miền Đông – Vịt Grimaud	40,000-41,000	40,000-41,000	34,000-40,000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42,000-43,000	42,000-43,000	36,000-41,000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 15/12/2021 10:56 15/12

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo Trung Quốc biến động trái chiều giữa các khu vực.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	20,32	▼0,08	▲3,78	68.800
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	20,97	▲3,78	▲4,00	71.000
	(DCE) T1/2023	CNY/kg	17,88	▲0,11	▲3,28	60.400
	(DCE) T3/2023	CNY/kg	16,58	▲0,16	▲2,25	56.000
	(DCE) T5/2023	CNY/kg	16,92	▼0,21	▲1,38	57.100
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	100,00	—0,00	▲17,50	69.200
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	100,00	—0,00	▲21,00	69.200
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	7.750	—0,00	▼2.450	44.400
Lào	Giao ngay	LAK/kg	43.500	—0,00	▲20.500	59.200
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	63,46	—0,00	▲15,00	33.100
Canada	Giao ngay	Penny/kg	223,13	—0,00	▲38,25	42.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,33	—0,00	▲0,28	31.500

Giá heo con Thái Lan đã ghi nhận mức giảm lần đầu tiên sau gần 7 tháng đi ngang.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/con
				1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	37,72	▼2,98	▲13,90	894.600
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	3.000	▼200	▲800	2.070.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.400 (+/- 96)	▼200	▲800	2.350.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	52,53	▲2,61	▼0,91	1.245.000

	Biểu 18kg	USD/con	69,42	▲ 3,79	▼ 4,32	1.645.000
EU	Giá bình quân	EUR/con	57,13	▲ 1,62	▲ 26,90	1.467.000

Giá heo nạc các kỳ hạn tại sàn Chicago đảo chiều giảm lại trong phiên giao dịch vừa qua.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	29,79	▼ 2,26	▲ 5,72	100.900
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	84,27	▼ 0,18	▼ 1,21	43.900
	(CME) Kỳ hạn T2/2023	Uscent/pound	83,40	▼ 1,30	▲ 3,33	43.500
	(CME) Kỳ hạn T4/2023	Uscent/pound	90,73	▼ 0,03	▲ 5,63	47.300
	(CME) Kỳ hạn T5/2023	Uscent/pound	96,98	▲ 0,97	▲ 6,77	50.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	2,09	▲ 0,05	▲ 0,37	49.400
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	204,90	▲ 1,62	▲ 72,40	52.600
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	203,40	▲ 1,72	▲ 74,14	52.200
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	243,12	▲ 26,90	▲ 84,81	62.400

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Bảng 4. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	9,48	—0,00	▲ 1,32	32.250
	Gà trắng giống	CNY/con	-	-	-	-
	Vịt thịt	CNY/kg	9,92	▲ 0,02	-	33.750
	Vịt giống	CNY/con	1,16	▲ 0,30	-	3.950
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	45,0	—0,00	-	31.100
	Gà nửa con	Baht/kg	100,0	—0,00	-	69.100
	Gà giống (CP)	Baht/con	20,0	—0,00	-	13.820
Campuchia	Gà trắng	Riel/kg	5.500-6.000	—0,00	-	31.630-34.500
	Gà lai	Riel/kg	8.500-9.500	▲ 500,0	-	48.880-54.630
	Thịt vịt	Riel/kg	14.000	—0,00	-	80.500
Lào	Gà đồ	Kip/ kg	45.000-60.000	—0,00	-	61.650-82.200
Indonesia	Gà trắng	IDR/kg	21.869	▲ 72,0	-	33.240
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,47	▼ 0,02	▲ 0,30	34.910

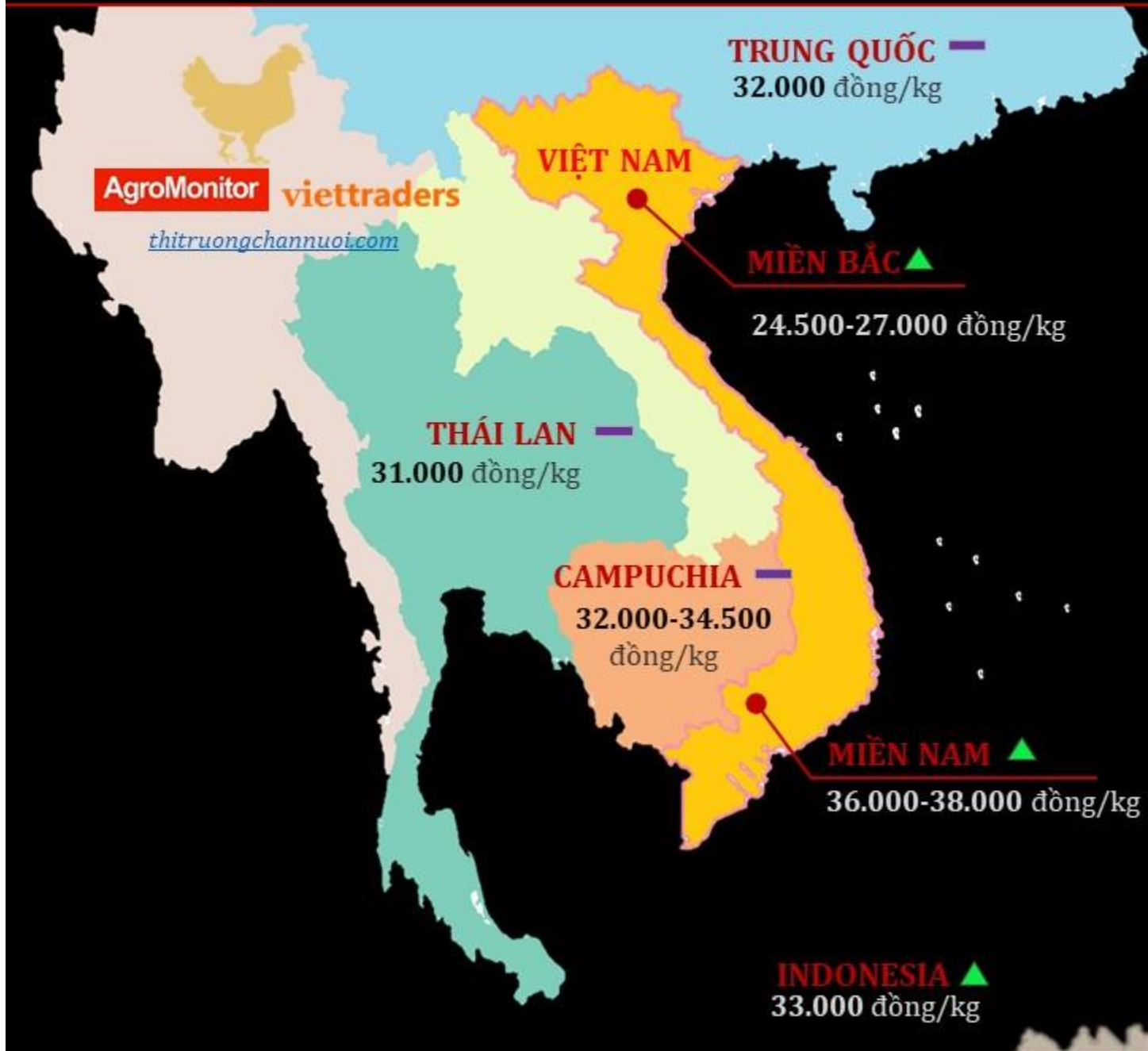
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,49	▼0,02	▲0,31	35.390
--	-----------------	--------	------	-------	-------	--------

Bảng 5. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg,
				1 ngày	1 năm	VND/quả
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	10,84	—0,00	-	36.880
	(DCE) T1/2023	CNY/500kg	4.288	▼3,00	▲48,00	29.180
	(DCE) T2/2023	CNY/500kg	4.148	▼22,0	▲286,0	28.220
	(DCE) T3/2023	CNY/500kg	4.171	▼25,0	▲297,0	28.380
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 trứng	340,0	—0,00	-	2.350
	Trứng số 3	Baht/100 trứng	376,0	—0,00	-	2.600
	Trứng số 4	Baht/100 trứng	359,6	—0,00	-	2.480
Lào	Trứng gà	Kip/quả	1333-2.000	—0,00	-	1.810-2.720
Campuchia	Trứng gà	Riel/ quả	550,0	—0,00	-	3.160

Tương quan giá Gà trắng Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á ngày 15/12/2022 14:11 15/12

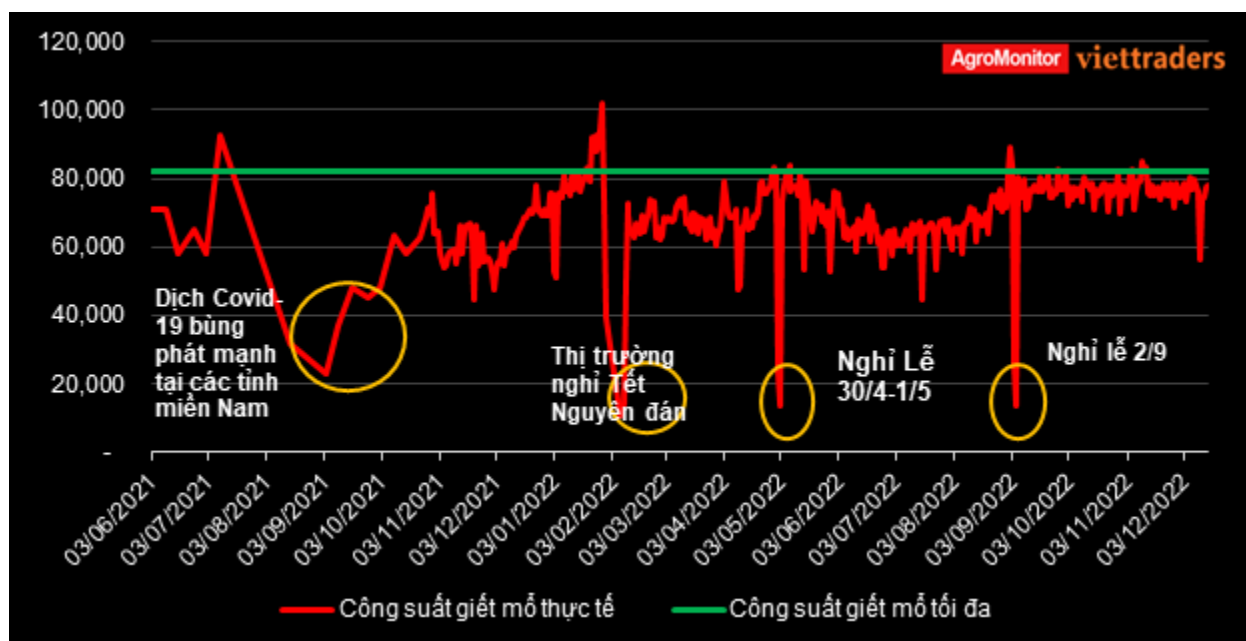
**TƯƠNG QUAN GIÁ GÀ TRẮNG VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC
TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**
NGÀY 15/12/2022



Lượng gia cầm giết mổ tại lò An Nhơn đến ngày 15/12/2022 (con/ngày) 11:36 14/07

- Tại lò An Nhơn, trong 15 ngày đầu tháng 12, lượng gia cầm bình quân đưa về giết mổ đạt 75.390 con/ngày giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ tháng 11.

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

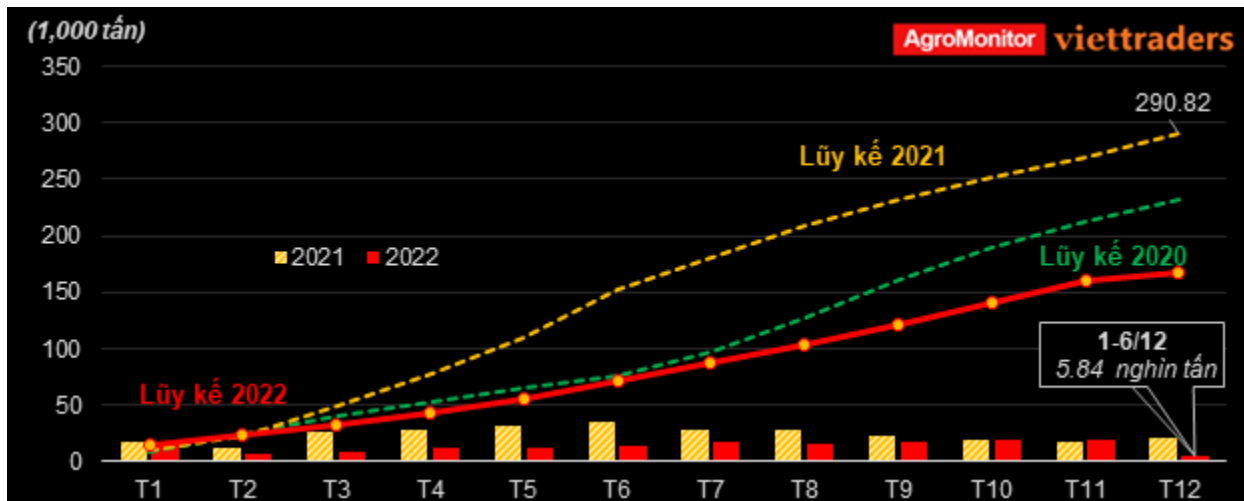


Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 6/12/2022 (nghìn tấn) 13:13 09/12

Trong 6 ngày đầu tháng 12, Việt Nam đã nhập về gần 5.84 nghìn tấn thịt và phụ phẩm từ heo, tăng gấp 2.4 lần so với cùng kỳ tháng trước, chiếm 41.1% tổng thị phần nhập khẩu các loại thịt trong kỳ. Theo số liệu sơ bộ, tổng lượng thịt heo (mã hs 0203) nhập về Việt Nam trong 6 ngày đầu tháng 12 đạt trên 3.91 nghìn tấn, tăng lần lượt gấp 2.5 lần so với cùng kỳ tháng trước và 48% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với chân và phụ phẩm từ heo (mã hs 0206), lượng nhập khẩu về Việt Nam trong kỳ đạt trên 1.92 nghìn tấn, tăng gấp 2.1 lần so với cùng kỳ tháng trước và trên 50% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng lượng thịt và phụ phẩm từ heo Việt Nam nhập về trong năm 2022 tới ngày 06/12 đạt gần 166.77 nghìn tấn, thấp hơn 39.2% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

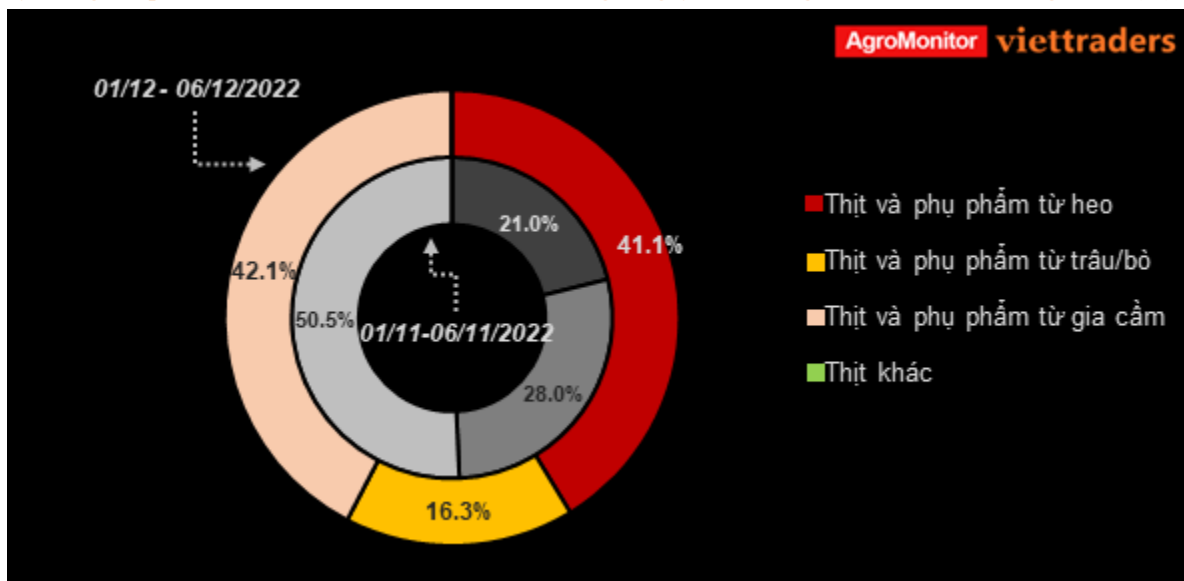
[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam từ 2020-06/12/2022 (nghìn tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tỷ trọng nhập khẩu một số loại thịt về Việt Nam trong 6 ngày đầu tháng 12/2022 so với tháng trước (%)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Chuyển động thị trường Heo hơi tuần (18/11/2022-24/11/2022) 17:07 02/12

Chuyển động thị trường heo hơi tuần (25/11/2022-01/12/2022)

► **Thị trường thế giới**

- **Trung Quốc:** Sau khi tiếp tục giảm mạnh vào cuối tuần trước, giá heo hơi Trung Quốc đã ghi nhận xu hướng tăng vào tuần này. Tại thời điểm cuối tháng 11, các công ty chăn nuôi lớn tại Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bán heo ra thị trường nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra của tháng, trong khi đó ở phía tiêu thụ vẫn đang tiếp tục chịu áp lực từ những diễn biến phức tạp của dịch bệnh khiến cán cân cung – cầu tiếp tục mất cân đối và kéo giá heo giảm mạnh thêm khi đã trượt xuống dưới mốc 23 tệ/kg vào cuối tuần trước. Tuy nhiên, kể từ đầu tuần này mặt bằng giá đã lấy lại được nhịp tăng nhờ (i) Không khí lạnh đổ bộ với cường độ khá mạnh

giúp cải thiện tiêu thụ trong ngắn hạn; (ii) Nhu cầu ra mua heo của các đơn vị sản xuất thực phẩm có chiều hướng tăng lên khi thị trường rục rịch chuẩn bị nguồn hàng cho đợt tiêu thụ lớn nhất trong năm; (iii) Kỳ vọng vào việc Trung Quốc sẽ nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 sau khi làn sóng biểu tình của người dân diễn ra tại nhiều tỉnh/thành phố. Tuy nhiên, xét chung bình quân cả tuần thì giá heo Trung Quốc vẫn giảm tới gần 7% so với bình quân tuần trước, đạt quanh 23.1 tệ/kg, tương đương gần 81,000 đồng/kg do mặt bằng giá sập nhanh vào cuối tuần trước trong khi biên độ tăng ở tuần này không quá lớn.

- **Thái Lan**: **Mặt bằng giá heo hơi Thái Lan giữ nhịp đi ngang trong suốt tuần qua.** Giao dịch heo mặc dù vẫn có chiều hướng cải thiện nhờ sự phục hồi của ngành du lịch, tuy nhiên giá heo hơi Thái Lan vẫn giữ quanh mức 103,00 baht/kg, tương đương 72.000 đồng/kg do chính phủ nước này vẫn áp khung giá trần đối với heo hơi nhằm tránh tình trạng mặt bằng giá tăng nhanh mất kiểm soát.

- **Lào & Campuchia**: **Giá heo hơi tại Lào và Campuchia tạm thời đi ngang vào tuần này.** Giao dịch heo chưa ghi nhận nhiều diễn biến mới trong bối cảnh heo Campuchia đang được lai rai đưa sang tiêu thụ tại Việt Nam giúp giảm bớt áp lực tồn kho tại nước này, mặt bằng giá heo hơi Campuchia tuần này theo đó tiếp tục đi ngang quanh 7,000-7,500 riel/kg, tương đương 42-46,000 đồng/kg. Tương tự, heo Lào cũng vẫn duy trì ở ngưỡng giá khá cao, đạt quanh 42-45,000 kip/kg, tương đương 61-65,000 đồng/kg.

► **Thị trường Việt Nam**

- **Miền Bắc**: Tại **miền Bắc**, tồn kho heo biểu to của miền Bắc vẫn còn, trong khi heo từ miền Trung/miền Nam vẫn được đóng ra, cộng thêm áp lực bán hàng cuối tháng nên các công ty chăn nuôi tiếp tục kéo giảm thêm giá heo trong ngày đầu tuần qua. Ngoài ra, thời tiết có mưa/chuyển lạnh khiến dịch tả châu Phi có xu hướng nở nhiều hơn cũng là yếu tố tạo áp lực lên mặt bằng giá heo khu vực này. Theo đó, mặt bằng giá heo hơi miền Bắc trong tuần qua giảm còn phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, mức trên 53.000 đồng/kg vẫn có một số công ty áp dụng cho heo đèo, nhưng khó ra hàng. Lực tập heo vào gột tuần này có lại lai rai, chủ yếu đón giá thấp dịp cuối tháng của các công ty.

- **Miền Trung & miền Nam**: Tại **miền Trung và miền Nam**, giá heo hơi không có nhiều biến động trong tuần qua, mặt bằng giá giữ quanh 50-52.000 đồng/kg do heo chạy dịch bán ra thị trường vẫn còn và nhu cầu đóng ra Bắc giảm mạnh. Riêng với heo to, để tạo lực hút ra Bắc các trại khu vực này hạ giá chào còn quanh 48-49.000 đồng/kg nhưng thương lái miền Bắc bắt rất thận trọng do giao dịch heo miền Bắc biến động yếu, giá heo có điều chỉnh giảm nhẹ thêm. Theo thông tin từ thương nhân, do không lạc quan về nhu cầu tiêu thụ nên thương lái bắt heo thận trọng, các hoạt động nuôi gột để đầu cơ đón giá không có.

► **Triển vọng thị trường**

- **Trung Quốc**: **Giá heo Trung Quốc có thể sẽ có khởi đầu tháng 12 với nhiều khó khăn trong việc phục hồi.** Mặc dù thị trường đang ghi nhận yếu tố có tác động tích cực hỗ trợ tiêu thụ, tuy nhiên xu hướng giảm có thể xuất hiện trở lại đối với giá heo Trung Quốc vào tháng tới, trong bối cảnh tồn kho heo tại các công ty vẫn có nhiều và cần được xuất bán trước Tết nguyên đán 2023 (do thời điểm Tết năm nay đến sớm hơn nên áp lực xuất bán heo cũng cao hơn). Ngoài ra ở phía tiêu thụ có thể sẽ vẫn yếu trong ngắn hạn do (i) Không khí lạnh tại Trung

Quốc được dự báo sẽ sớm suy yếu và có thể ngay trong tuần tới, nên nhiệt tại Trung Quốc sẽ tăng trở lại khiến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thịt hun khói và lạp xưởng chậm lại đáng kể, giảm động lực thu mua heo của các cơ sở chế biến; (ii) Việc nới lỏng các biện pháp Covid 19 có thể sẽ chưa được triển khai rộng rãi khi các ổ dịch lớn vẫn đang liên tiếp nổ ra trong khi nước này vẫn khá kiên trì với mục tiêu Zero Covid. Theo ước tính của AgroMonitor, giá heo hơi Trung Quốc sẽ dao động với biên độ hẹp quanh 22-24 tệ/kg trong tuần tới, xu hướng tăng/giảm nhiều khả năng sẽ đan xen trong suốt tuần.

- Việt Nam: Tại **miền Bắc**, heo biểu to trong dân/công ty vẫn còn, cộng thêm heo dịch ra thị trường có lại do thay đổi thời tiết cùng nhu cầu tiêu thụ chậm do công nhân bị giảm giờ làm/mất việc làm khiến mặt bằng giá heo miền Bắc khó tăng cho dù heo từ miền Trung/Nam ra Bắc có chiều hướng ít hơn. Tại **miền Trung/miền Nam**, heo chạy dịch bán ra thị trường có xu hướng tăng, cộng thêm heo từ Campuchia vẫn có đưa về trong khi đó, nhu cầu đóng ra Bắc lần tiêu thụ nội vùng đều yếu nên nhiều khả năng giá heo khu vực này sẽ chịu áp lực sụt giảm thêm trong ngắn hạn.

Thị trường Gia súc thế giới ngày 15/12/2022

10:52 15/12/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 15/12/2022	
Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo hơi Trung Quốc hôm nay đảo chiều giảm nhẹ xuống quanh 20,3 tệ/kg, tương đương 69.000 đồng/kg do đã giảm tại khu vực miền Bắc trước áp lực nguồn cung heo ra thị trường tăng lên; - Tại <i>tỉnh Quảng Tây</i>, giá heo đạt 20,97 tệ/kg, tương đương 71.000 đồng/kg; - Giá heo <i>DCE tháng 1/2023</i> chứng đã giảm trong phiên giao dịch hôm nay, dao động quanh 17,9 tệ/kg, tương đương 60.000 đồng/kg; - Giá heo con 7kg đạt 37,72 tệ/kg, tương đương ~900.000 đồng/con, giá heo con ghi nhận diễn biến giảm do động lực vào đàn bị triệt tiêu đáng kể, ảnh hưởng từ xu hướng giảm của giá heo hơi và đã tăng mạnh của giá TACN.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá <i> bình quân</i> đạt 100,00 baht/kg, tương đương 69.000 đồng/kg; - Tại <i>miền Trung</i>, giá heo đạt 100,00 baht/kg, tương đương 69.000 đồng/kg; - Giá heo con vào tuần bắt đầu ngày 12/12 giảm mạnh xuống 3.000 baht/con 7kg, tương đương ~2,1 triệu đồng/con.
	<p>▶ <u>Giá heo Lào & Campuchia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo Lào đạt 42-45.000 kíp/kg, tương đương 61-65.000 đồng/kg;

	<p>- Giá heo Campuchia đạt 7.500-8.000 riel/kg, tương đương 43-46.000 đồng/kg.</p>
	<p>▶ Giá heo Mỹ</p> <p>- Giá heo hơi đạt 63,46 cent/pound, tương đương 33.000 đồng/kg;</p> <p>- Giá heo nạc CME kỳ hạn tháng 2/2023 giảm 1,4% trong phiên giao dịch 14/12, xuống quanh 83,40 cent/pound, tương đương 44.000 đồng/kg;</p> <p>- Giá heo con 6kg trong tuần kết thúc ngày 09/12 tăng thêm lên 52,53 USD/con, tương đương trên 1.200.000 đồng/con.</p>
Thông tin kinh tế	<p>- Đồng USD đã giảm trong phiên giao dịch vừa qua, sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định tăng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản như dự kiến và cho biết họ sẽ cần tiếp tục tăng lãi suất;</p> <p>- Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (14/12), khi Cục Dự trữ Liên bang (FED) tăng lãi suất và dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2023 để chống lạm phát;</p> <p>- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 2,02 USD/thùng, tương đương tăng 2,4%, chốt ở 82,7 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York tăng 1,94 USD/thùng, chốt ở 77,28 USD/thùng. Dầu thô tăng giá sau khi Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu tiêu thụ dầu toàn cầu sẽ khởi sắc trong năm 2022.</p>

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

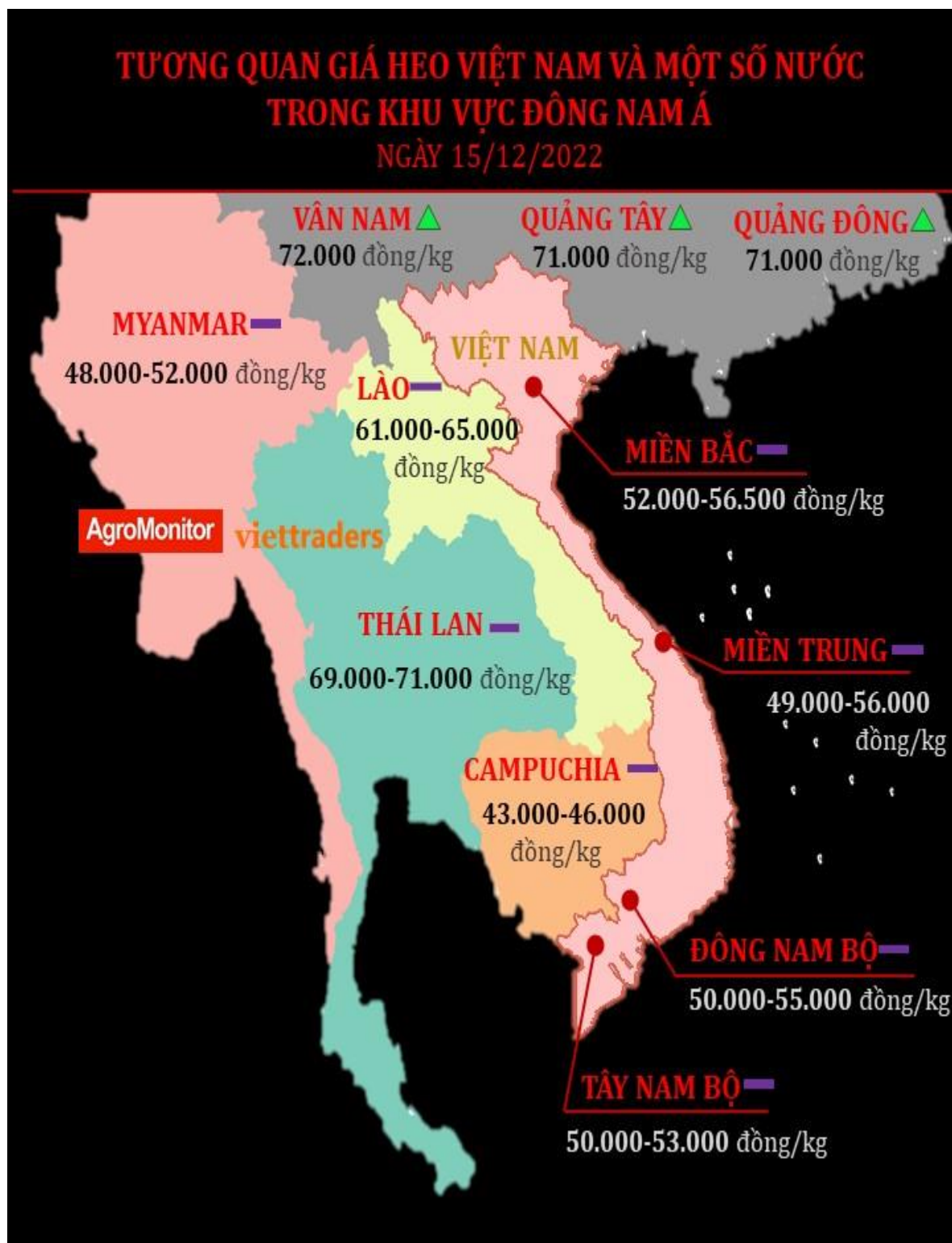
- Giá heo hơi Trung Quốc hôm nay đảo chiều giảm nhẹ xuống quanh 20,3 tệ/kg, tương đương 69.000 đồng/kg do đà giảm tại khu vực miền Bắc trước áp lực nguồn cung heo ra thị trường tăng lên. Trong khi đó, giá heo các tỉnh miền Nam ghi nhận diễn biến tăng sau chuỗi giảm liên tiếp trong vòng 8 ngày trong bối cảnh số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm, mặt bằng giá dao động quanh 21 tệ/kg, tương đương 71.000 đồng/kg.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi kỳ hạn tháng 1-3/2023 cũng đã giảm trong phiên giao dịch hôm nay, dao động quanh 16,6-17,9 tệ/kg, tương đương 56-60.000 đồng/kg nhờ kỳ vọng sức tiêu thụ tốt hơn khi Trung Quốc nới lỏng chống dịch Covid 19.

▶ Tại Thái Lan, Lào và Campuchia

- Giá heo Thái Lan, Lào và Campuchia tạm thời chưa có điều chỉnh mới.

Hình 1. Tương quan giá heo hơi một số nước trong khu vực Đông Nam Á ngày 15/12/2022 (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► Tại Mỹ

- Mối lo suy thoái kinh tế cùng lo ngại nhu cầu tiêu thụ yếu tại Trung Quốc vẫn khiến giới đầu tư tỏ ra bi quan về đầu ra của thịt heo Mỹ vào đầu năm tới, theo đó tâm lý bán chốt lời sau khi thị trường có sự phục hồi ở phiên trước đã khiến giá heo nạc CME các kỳ hạn đảo chiều giảm lại trong phiên giao dịch vừa qua. Kết phiên 14/12, giá heo nạc CME tháng 2/2023 giảm 1,4% so với phiên trước, xuống quanh 83,4 cent/pound, tương đương 44.000 đồng/kg.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo Trung Quốc biến động trái chiều giữa các khu vực.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	20,32	▼0,08	▲3,78	68.800
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	20,97	▲3,78	▲4,00	71.000
	(DCE) Kỳ hạn T1/2023	CNY/kg	17,88	▲0,11	▲3,28	60.400
	(DCE) Kỳ hạn T3/2023	CNY/kg	16,58	▲0,16	▲2,25	56.000
	(DCE) Kỳ hạn T5/2023	CNY/kg	16,92	▼0,21	▲1,38	57.100
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	100,00	—0,00	▲17,50	69.200
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	100,00	—0,00	▲21,00	69.200
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	7.750	—0,00	▼2.450	44.400
Lào	Giao ngay	LAK/kg	43.500	—0,00	▲20.500	59.200
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	63,46	—0,00	▲15,00	33.100
Canada	Giao ngay	Penny/kg	223,13	—0,00	▲38,25	42.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,33	—0,00	▲0,28	31.500

Giá heo con Thái Lan đã ghi nhận mức giảm lần đầu tiên sau gần 7 tháng đi ngang.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	37,72	▼0,58	▼2,98	▲13,90	894.600

Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	3.000	—0,00	▼200	▲800	2.070.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.400 (+/- 96)	—0,00	▼200	▲800	2.350.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	52,53	—0,00	▲2,61	▼0,91	1.245.000
	Biểu 18kg	USD/con	69,42	—0,00	▲3,79	▼4,32	1.645.000
EU	Giá bình quân	EUR/con	57,13	—0,00	▲1,62	▲26,90	1.467.000

Giá heo nạc các kỳ hạn tại sàn Chicago đảo chiều giảm lại trong phiên giao dịch vừa qua.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước.

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	29,79	▼0,39	▼2,26	▼4,32	▲5,72	100.900
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	84,27	▼6,87	▼0,18	▼12,29	▼1,21	43.900
	(CME) Kỳ hạn T2/2023	Uscent/pound	83,40	▼1,18	▼1,30	▼5,57	▲3,33	43.500
	(CME) Kỳ hạn T4/2023	Uscent/pound	90,73	▼0,63	▼0,03	▲0,65	▲5,63	47.300
	(CME) Kỳ hạn T5/2023	Uscent/pound	96,98	▼0,38	▲0,97	▲1,47	▲6,77	50.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	2,09	—0,00	▲0,05	▲0,07	▲0,37	49.400
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	204,90	—0,00	▲1,62	▲1,72	▲72,40	52.600
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	203,40	—0,00	▲1,72	▲5,53	▲74,14	52.200
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	243,12	—0,00	▲26,90	▼10,51	▲84,81	62.400

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Trong tuần 24/11-30/11, trên thế giới ghi nhận thêm 150 ổ dịch tả heo châu Phi mới tại 9 quốc gia, trong đó có 9 ổ dịch mới đối với heo nội.

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
24/11/2022	- Macedonia ghi nhận 4 ổ dịch tả châu Phi mới với heo rừng và 1 ổ dịch mới với heo nuôi tại 2 khu vực khiến 6 con heo rừng cùng 3 con heo nuôi nhiễm bệnh và chết.
25/11/2022	- Đức báo cáo thêm 16 ổ dịch mới với heo rừng khiến 143 con ghi nhận nhiễm bệnh, toàn bộ đều đã chết hoặc bị tiêu hủy; - Ba Lan ghi nhận 80 ổ dịch tả châu Phi mới với heo rừng tại 5 khu vực khiến 91 con nhiễm bệnh và chết; - Romania thông báo 8 ổ dịch tả châu Phi mới với heo rừng và 6 ổ dịch mới với heo nuôi tại 8 khu vực khiến 10 con heo rừng bị chết vì nhiễm bệnh, đối với heo nuôi có tổng cộng 9.141 con nhiễm bệnh (tại thời điểm công bố), một phần nhỏ đã bị chết hoặc tiêu hủy.
28/11/2022	- Nepal phát hiện thêm 1 ổ dịch tả châu Phi mới với heo nuôi khiến 36 con nhiễm bệnh và chết. - Nga công bố 1 ổ dịch tả châu Phi với heo nuôi khiến 52 con nhiễm bệnh và chết.
29/11/2022	- Hungary báo cáo 3 ổ dịch tả châu Phi mới với heo rừng tại 2 khu vực khiến 3 con chết vì nhiễm bệnh; - Latvia công bố thêm 28 ổ dịch tả châu Phi với heo rừng tại 4 khu vực khiến 41 con nhiễm bệnh và chết, 30 con khác đã bị tiêu hủy.
30/11/2022	- Ý ghi nhận 2 ổ dịch mới với heo rừng, 2 con ghi nhận nhiễm bệnh và chết.

Sản xuất – Tiêu thụ

Tại Mỹ

Lương heo Mỹ đưa vào giết mổ trong 3 ngày đầu tuần này ước đạt trên 1,46 triệu con, tăng nhẹ so với 3 ngày đầu tuần trước và cao hơn gần 70 nghìn con so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 5. Lương heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
12/12/2022	490	490	490	483	485
13/12/2022	487	481	971*	974	954
14/12/2022	490	-	1.461	1.458	1.392

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Tại Trung Quốc

Trong tháng 10, lượng heo xuất bán từ các doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc tăng lên đáng kể so với tháng 9 cho thấy nguồn cung heo vẫn đang khá dồi dào. Sự sụt giảm lượng bán vẫn ghi nhận tại một số công ty nhỏ, nhưng nhìn chung tổng lượng heo ra thị trường từ các công ty vẫn có chiều hướng tăng, nguyên nhân do đàn heo nái có năng suất cao hơn nhờ sự đầu tư cơ sở hạ tầng của các công ty kể từ đầu năm cùng việc kiểm soát tốt hơn tình hình dịch bệnh trên heo. Trong đó, công ty Muyuan xuất bán gần 4,8 triệu con heo, đưa tổng doanh số bán heo sống trong 10 tháng đầu năm lên trên 50 triệu con, cao hơn 59% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 90% kế hoạch đề ra cho cả năm 2022.

Bảng 6. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)

ST T	Doanh nghiệp	Quý I	Quý II	Quý III	Tháng 10			10T 2022		
					Lượng xuất bán (1.000 con)	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	Lượng xuất bán (1.000 con)	So với cùng kỳ năm trước (%)	So với mục tiêu 2022 (%)
1	Muyuan	13.817,0	17.463,0	13.943,0	4.779	▲7%	▼9%	50.003,0	▲59%	90%
2	Zhenbang Tech	2.426,1	2.419,1	2.175,5	643,0	▼5%	▼50%	7.663,6	▼42%	-
3	New Hope	3.696,8	3.151,4	3.052,1	1.455,5	▲25%	▲22%	11.355,9	▲42%	81%
4	Wen's	4.023,5	3.982,4	4.412,8	1.652,0	▲4%	▼9%	14.071,0	▲30%	78%
5	Cofco	1.159,0	1.109,0	757,0	334,0	▲35%	▲28%	3.359,0	▲17%	
6	Dabeinong	1.071,4	911,8	1.021,0	379,5	▼8%	▼16%	3.383,6	▼1%	75%
7	Aonong Bio	1.046,7	1.297,1	1.378,9	503,4	▲8%	▲37%	4.226,3	▲75%	77%
8	Tianbang	1.004,3	1.074,7	1.012,9	385,6	▲5%	▼28%	3.477,4	▲4%	84%
9	Tiankang Bio	375,1	554,6	574,2	144,9	▼28%	▲26%	1.650,6	▲24%	75%
10	Tang Ren Shen	383,4	479,6	560,1	208,3	▲1%	▲21%	1.631,4	▲23%	81%
11	Jin Xinnong	335,8	333,8	285,1	133,2	▲48%	▲10%	1.087,9	▲46%	91%

12	Luo Niu Shan	103,8	133,2	128,8	38,8	▼15 %	▲123 %	404,5	▲29 %	
13	Dawnrays	125,8	117,0	121,2	53,3	▲22 %	▲34%	417,4	▲44 %	76 %
14	Zhenhong Tech	36,8	56,5	40,9	6,0	▼70 %	▼84%	140,3	▼23 %	
15	Huatong	162,2	323,9	354,0	119,9	▼8%	▲1380 %	960,0	▲744 %	80 %

Ghi chú: Lượng heo xuất bán trong 10 tháng đầu năm nếu tương đương hoặc nhiều hơn 82% so với kế hoạch thì được xem là có thể hoàn thành được mục tiêu đề ra cho cả năm.

màu xanh: các doanh nghiệp hoàn thành **trên 82%** kế hoạch xuất bán cho cả năm;

màu đỏ: các doanh nghiệp hoàn thành **dưới 82%** kế hoạch xuất bán cho cả năm

Trong tháng 10, doanh thu bán heo của Muyuan tiếp tục ghi nhận mức cao kỷ lục mới nhờ lượng heo xuất bán tăng lên, đồng thời giá bán heo vẫn duy trì khá cao trong suốt tháng. Trong tháng 10, lượng heo xuất bán tại Muyuan mặc dù ghi nhận mức giảm khoảng 9% so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn đạt khá cao so với tháng trước với mức tăng trên 7%, cùng với việc giá heo bình quân tháng cũng tăng mạnh so với tháng 9 nên tổng doanh thu bán heo của công ty vẫn duy trì tháng cao kỷ lục thứ 4 liên tiếp, cao gấp 2,1 lần so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 7. Theo dõi hoạt động kinh doanh heo của CT TNHH Muyuan (Trung Quốc) từ 1/2021-10/2022

Năm	Tháng	Lượng bán (10.000 con)		Tổng doanh thu (100 triệu tệ)		Giá heo hơi xuất bán (tệ/kg)	
		Trong tháng	Lũy kế	Trong tháng	Lũy kế	Trong tháng	So với tháng trước
2021	1&2	488,7	488,7	122,81	122,81	26,95	-
	3	283,3	772,0	70,58	193,39	23,21	▼14%
	4	314,5	1086,5	79,24	272,62	21,11	▼9%
	5	309,7	1,396,2	67,80	340,42	17,65	▼16%
	6	347,5	1743,7	57,07	397,49	13,58	▼23%
	7	301,1	2044,7	52,07	449,56	15,04	▲11%
	8	257,3	2302,0	42,34	491,90	13,92	▼7%
	9	308,6	2610,6	42,70	534,60	11,50	▼17%
	10	525,8	3136,4	71,00	605,60	11,90	▲3%
	11	387,4	3523,9	67,70	673,30	16,00	▲34%
	12	502,5	4026,3	77,70	750,90	14,80	▼8%
2022	1&2	783,1	783,1	101,60	101,60	12,40	▼16%

3	598,6	1381,7	74,30	176,00	11,70	▼6%
4	632,1	2018,8	79,42	255,36	12,56	▲8%
5	586,3	2600,1	84,09	339,46	14,87	▲18%
6	527,9	3128,0	87,54	426,99	16,53	▲11%
7	459,4	3587,4	104,91	531,90	21,33	▲29%
8	488,7	4076,2	116,60	648,50	20,94	▼2%
9	446,2	4522,4	119,59	768,10	23,06	▲10%
10	477,9	5000,3	149,37	917,47	26,05	▲13%

PHỤ LỤC

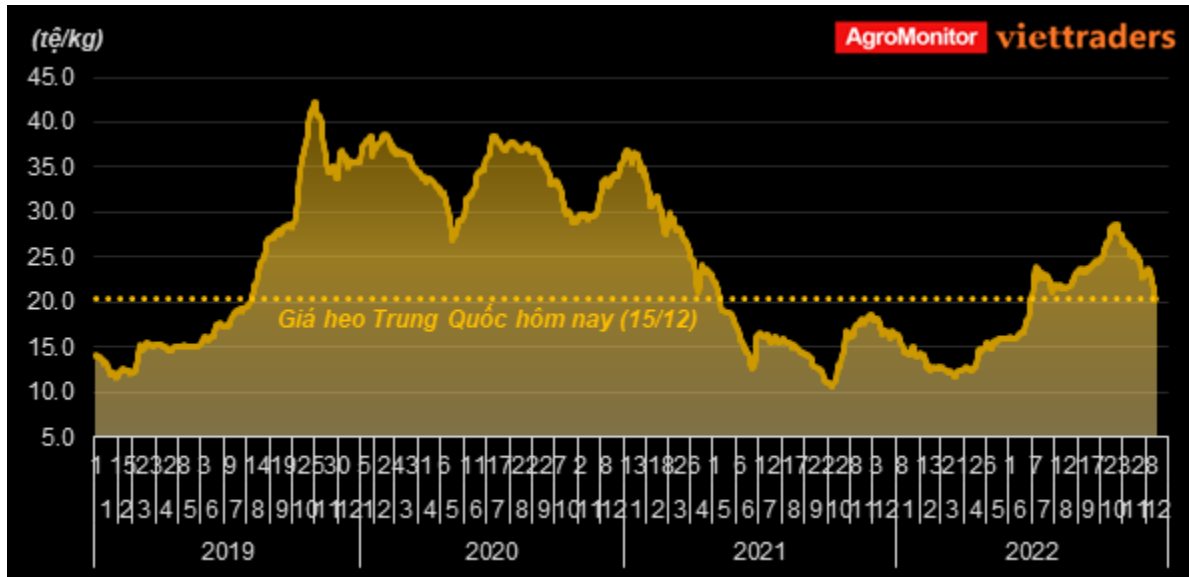
Diễn biến giá

▶ Trung Quốc

Bảng 8. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 15/12/2022

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	21,09	▲0,48	▼2,96	▼4,54	▲3,51	71.400
Quảng Tây	20,97	▲0,39	▼2,43	▼4,41	▲4,00	71.000
Vân Nam	21,27	▲0,46	▼1,94	▼4,74	▲5,66	72.000
Phúc Kiến	21,08	▲1,23	▼2,37	▼5,40	▲3,98	71.400
Tứ Xuyên	20,70	▼0,11	▼3,31	▼5,48	▲3,55	70.100
Liêu Ninh	19,93	▼0,39	▼2,16	▼4,25	▲4,38	67.500
Hà Bắc	19,76	▼0,30	▼3,08	▼5,65	▲3,37	66.900
Sơn Đông	20,10	▼0,23	▼2,86	▼5,56	▲3,54	68.100
Giá trung bình cả nước	20,32	▼0,08	▼2,93	▼5,30	▲3,78	68.800

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-15/12/2022 (tệ/kg)



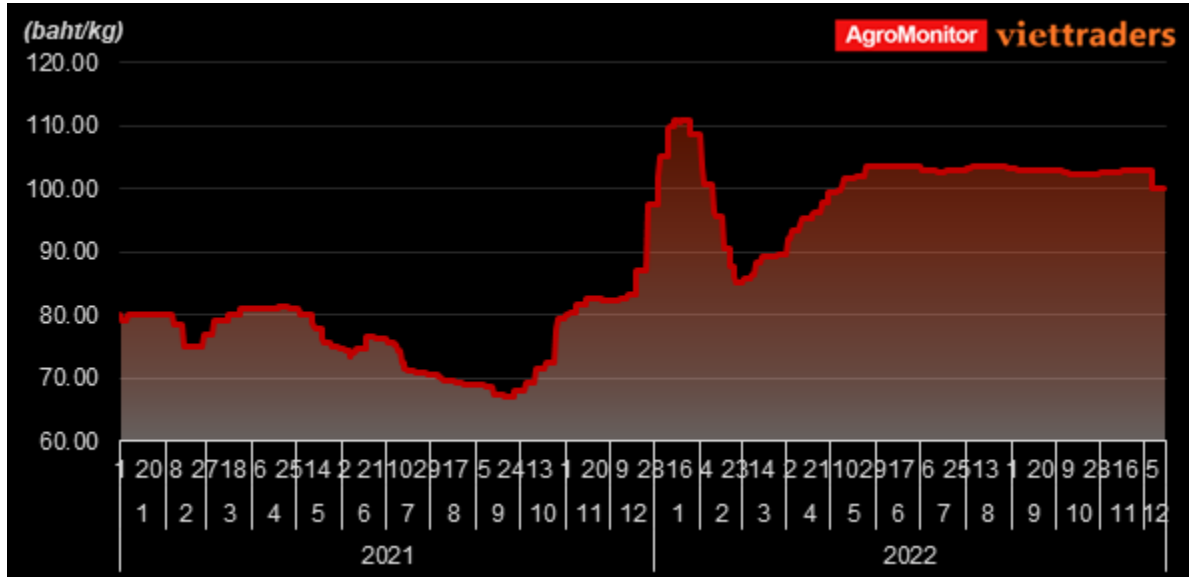
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► **Thái Lan**

Bảng 9. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 14/12/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲16,00	69.200
Vùng Đông Bắc	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲18,00	69.200
Miền Trung	100,00	—0,00	—0,00	▼6,00	▲21,00	69.200
Miền Đông	100,00	—0,00	—0,00	▼8,00	▲17,00	69.200
Miền Tây	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲17,00	69.200
Miền Nam	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲16,00	69.200
Giá trung bình cả nước	100,00	—0,00	—0,00	▼2,33	▲17,50	69.200

Hình 3. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-14/12/2022 (baht/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Sản xuất – Tiêu thụ

► Tại Mỹ

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 10/12 giảm nhẹ 0,8% so với tuần trước đó do lượng heo đưa vào giết mổ thấp hơn gần 20 nghìn con.

Bảng 10. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1,000 tấn)	Lũy kế 2022 (1,000 tấn)	2022/2021 (%)
19/11/2022	131,1	2.599	253,3	10.825,1	▼2,4
26/11/2022	131,5	2.213	215,9	11.041,0	▼2,4
03/12/2022	131,5	2.590	253,0	11.294,0	▼2,5
10/12/2022	131,5	2.572	251,1	11.545,2	▼2,4

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ dự báo sản lượng thịt heo nước này năm 2022 tiếp tục giảm 0,2% so với báo cáo trước đó do heo đưa vào giết mổ có trọng lượng nhỏ hơn. Trong khi đó, sản lượng ở năm 2023 vẫn được giữ ổn định ở mức dự báo vào tháng trước, khoảng 12,41 triệu tấn – cao hơn 1,1% so với năm 2022. Hoạt động xuất-nhập khẩu thịt heo năm 2022 của Mỹ cũng ghi nhận diễn biến giảm so với báo cáo trước, trong đó xuất khẩu dự kiến giảm 1,2% dựa trên dữ liệu mua mới thịt heo được công bố gần đây, đồng thời nhập khẩu cũng giảm khoảng 1,8% do lo ngại nhu cầu tiêu thụ nội địa sẽ tiếp tục giảm vào cuối năm, giữa bối cảnh mỗi lo lạm phát vẫn bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế. Sự suy yếu trong hoạt động nhập khẩu thịt heo sẽ tiếp tục kéo

dài cho tới tận năm 2023, mức nhập khẩu trong năm được dự báo giảm 0,7% so với báo cáo trước đó nhưng vẫn đạt tương đương so với năm 2022. Việc sản lượng và nhập khẩu ở năm 2022 được điều chỉnh giảm trong khi xuất khẩu tăng lên khiến tồn kho thịt heo tại thời điểm cuối năm cũng giảm tới 3,7% so với dự báo trước đó, kết hợp với việc giảm nhập khẩu ở năm 2023 khiến tổng nguồn cung khả dụng cho tiêu thụ năm 2023 đã giảm thêm 0,1% so với báo cáo hồi tháng 11.

Bảng 11. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ
2021	212	12.560	535	13.307	3.187	9.918	202
2022							
Dự báo T10/22	202	12.320	670	13.193	2.898	10.045	249
Dự báo T11/22	202	12.308	646	13.156	2.907	10.004	245
Dự báo T12/22	202	12.281	635	13.118	2.873	10.009	236
2023							
Dự báo T10/22	249	12.410	683	13.342	2.849	10.235	259
Dự báo T11/22	245	12.410	640	13.295	2.849	10.188	259
Dự báo T12/22	236	12.410	635	13.281	2.849	10.174	259

Thương mại

Tại Mỹ

Trong tuần kết thúc 01/12, hàng loạt các thị trường đã hủy mua thịt heo từ Mỹ hàng giao năm 2022, kéo tổng lượng bán ra trong năm 2022 tới ngày 01/12 đạt trên 1,51 triệu tấn, giảm 16,9% so với lũy kế cùng kỳ năm trước.

Bảng 12. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)			
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc	Bán cho Việt Nam
10/11/2022	30.615	25.167	1.457.047	628.582 (▲1%)	213.777 (▼47%)	2.341 (▼35%)
17/11/2022	33.201	45.768	1.502.815	646.826 (▲2%)	215.233 (▼46%)	2.341 (▼35%)
24/11/2022	29.716	20.051	1.522.866	658.592 (▲1%)	215.506 (▼48%)	2.341 (▼35%)

01/12/2022	32.517	-7.919	1.514.947	661.741 (▼1%)	216.370 (▼48%)	2.315 (▼36%)
------------	--------	--------	------------------	------------------	-------------------	-----------------

Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.

B. THỊ TRƯỜNG TACN & CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

▣ Giá nguyên liệu TACN trên thế giới

Giá ngô CBOT kỳ hạn tháng 3/2023 giao dịch với biên độ hẹp trong hầu hết thời gian của phiên giao dịch.

Bảng 13. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới

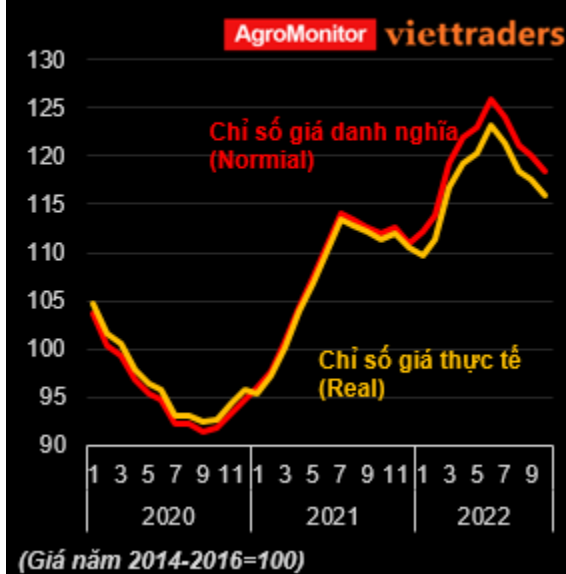
Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	Thay đổi	Diễn biến chính
<u>Ngô</u>					
CBOT - Mỹ	T3/2023	cent/bushel	650,40	▼3,00	Giá ngô CBOT kỳ hạn tháng 3/2023 giao dịch với biên độ hẹp trong hầu hết thời gian của phiên giao dịch khi những hỗ trợ từ đà đi lên của thị trường năng lượng và lo ngại nguồn cung ngô khu vực Biển Đen/EU bị thắt chặt đã bị đè nặng bởi thông tin Fed tiếp tục nâng lãi suất thêm 0,5%, cùng dự báo đỉnh lãi suất ở mức 5.1% trong năm 2023, cao hơn dự báo 4.6% tại cuộc họp tháng 9/2022
DCE - Trung Quốc	T3/2023	CNY/tấn	2787	▼58	
<u>Lúa mì</u>					
CBOT - Mỹ	T3/2023	cent/bushel	749,20	▼1,40	Những lo ngại về nguồn cung lúa mì Argentina bị thắt chặt do ảnh hưởng bởi hạn hán và sương giá, cùng sự lan tỏa từ đà tăng của thị trường năng lượng và việc các nhà nhập khẩu ra mua hàng nhện nhíp đã phần nào giúp giá lúa mì khôi phục vào cuối phiên giao dịch sau khi suy yếu vào đầu phiên và kết phiên giảm nhẹ 1,4 cent/gia so với phiên giao dịch trước đó
FOB - Canada 13,5%	T3/2023	USD/tấn	374,00	▼3,25	
<u>Khô đậu tương</u>					
CBOT - Mỹ	T1/2023	USD/tấn ngắn	460,10	▲7,80	Giá khô đậu tương CBOT kỳ hạn tháng 1/2023 cũng có xu hướng

DCE - Trung Quốc	T1/2023	CNY/tấn	4289	▼ 52	<p>đi lên mạnh mẽ trong phiên giao dịch châu Mỹ chủ yếu do: (i) Những lo ngại về nguồn cung đậu tương của Argentina trong bối cảnh thời tiết tại khu vực này tiếp tục khắc nghiệt làm chậm quá trình sản xuất vụ mới; (ii) Đà đi lên lan tỏa từ thị trường năng lượng; (iii) Ước tính sản lượng đậu tương chế biến của NOPA trong tháng 11/2022 có thể giảm 1.62% so với tháng trước đó. Tuy nhiên thông tin quyết định tăng lãi suất thêm 50 điểm của Fed và sự đi xuống của thị trường tài chính đã phần nào hạn chế được mức tăng. Kết phiên giao dịch, giá khô đậu tương CBOT kỳ hạn tháng 1/2023 vẫn tăng mạnh 1,7% so với phiên giao dịch trước đó</p>
------------------	---------	---------	------	------	--

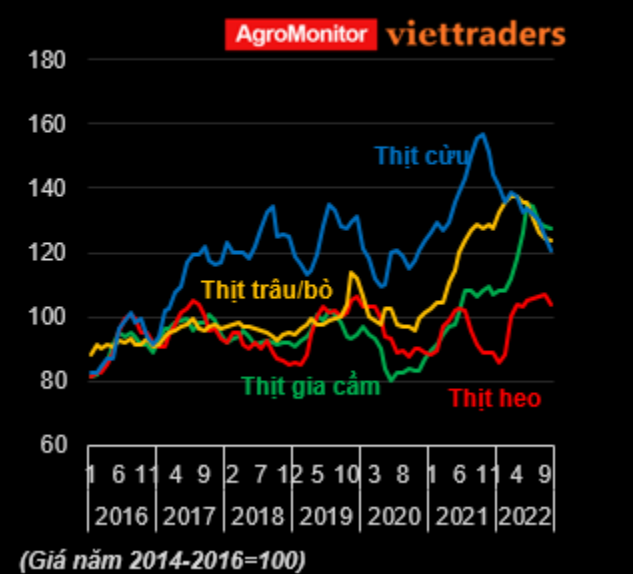
► **Chỉ số giá thịt toàn cầu**

Chỉ số giá thịt của FAO đạt trung bình 118,4 điểm trong tháng 10, giảm 1,6 điểm so với tháng 9, đánh dấu tháng giảm thứ tư liên tiếp, với chỉ số giá của tất cả các loại thịt đều giảm.

Hình 4. Chỉ số giá thịt hàng tháng theo chỉ số danh nghĩa và chỉ số thực tế giai đoạn 2020-10/2022



Hình 5. Chỉ số giá thịt các loại hàng tháng giai đoạn 2016-10/2022



Nguồn: FAO

C. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

▣ Tỷ giá một số đồng tiền chính

Đồng USD đã đã giảm trong phiên giao dịch vừa qua, sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định tăng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản như dự kiến và cho biết họ sẽ cần tiếp tục tăng lãi suất.

Bảng 14. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 15/12/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,686	▲ 0,25	AUD/VND*	16.228	▼ 0,44
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,189	▲ 0,26	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,738	▲ 0,07	CAD/VND*	17.611	▼ 0,20
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,144	▼ 0,07	CNY/VND	3.402	▲ 0,14
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,068	▲ 0,52	EUR/VND*	25.617	▼ 0,19
GBP (Anh)	GBP/USD	1,242	▲ 0,51	GBP/VND*	29.455	▲ 0,04
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,52	▲ 0,66
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,75	▲ 0,17
LAK (Lào)	-	-	-	LAK/VND	1,36	▼ 0,73
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,029	▲ 0,35	THB/VND*	691	▼ 0,51
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	23.750	▼ 0,38

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Hình 6. Biến động chỉ số DXY năm 2020-2022



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

▶ Thị trường chứng khoán Mỹ

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (14/12), khi Cục Dự trữ Liên bang (FED) tăng lãi suất và dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2023 để chống lạm phát.

Kết phiên giao dịch 14/12, chứng khoán Mỹ ghi nhận:

- Chỉ số Dow Jones mất 142,29 điểm, tương đương giảm 0,42%, còn 33.966,35 điểm;
- Chỉ số S&P 500 giảm 0,61%, còn 3.995,32 điểm;
- Chỉ số Nasdaq trượt 0,76%, còn 11.170,89 điểm.

▶ Giá dầu thế giới

Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 2,02 USD/thùng, tương đương tăng 2,4%, chốt ở 82,7 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York tăng 1,94 USD/thùng, chốt ở 77,28 USD/thùng. Dầu thô tăng giá sau khi Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu tiêu thụ dầu toàn cầu sẽ khởi sắc trong năm 2022.

Hình 7. Biến động giá dầu thô WTI năm 2020-2022



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thị trường Gia cầm thế giới ngày 15/12/2022

08:43 15/12/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CÀM THẾ GIỚI

Thị trường Gia cầm	<p>▶ <u>Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dù nguồn cung gà vẫn chưa có lại tuy nhiên tiêu thụ không có nhiều cải thiện đáng kể, các công ty giết mổ thận trọng hơn trong việc thu mua khiến giá gà khó điều chỉnh tăng, đi ngang ngưỡng 9,48 tệ/kg-tương đương 32.300 đồng/kg. - Nguồn cung vịt lông giữ ở mức thấp trong khi nhu cầu tiêu thụ ở phí Bắc cũng đang có những cải thiện hỗ trợ giá vịt tăng lại, lên quanh mức 9,92 tệ/kg-tương đương 33.800 đồng/kg.
---------------------------	---

DIỄN BIẾN GIÁ

Tại Trung Quốc

- Dù nguồn cung gà vẫn chưa có lại tuy nhiên tiêu thụ không có nhiều cải thiện đáng kể, các công ty giết mổ thận trọng hơn trong việc thu mua khiến giá gà khó điều chỉnh tăng, đi ngang ngưỡng 9,48 tệ/kg-tương đương 32.300 đồng/kg.

- Với giao dịch gà trắng giống, các công ty vẫn tạm ngưng bán gà con.

- Nhiệt độ giảm đột ngột ở hầu hết các vùng trên cả nước khiến tỉ lệ đẻ của gà giảm, lượng gà thải loại cũng tăng lên, nguồn cung trứng có chiều hướng sụt giảm. Bên cạnh đó, tại miền Bắc, tiêu thụ có chiều hướng ổn định hơn sau động thái nới lỏng chống dịch Covid-19 hỗ trợ giá trứng ngưng giảm thêm, đi ngang ngưỡng 10,84 tệ/kg-tương đương 36.900 đồng/kg.

- Nguồn cung vịt lông giữ ở mức thấp trong khi nhu cầu tiêu thụ ở phí Bắc cũng đang có những cải thiện hỗ trợ giá vịt tăng lại, lên quanh mức 9,92 tệ/kg-tương đương 33.800 đồng/kg. Với con giống, giá tiếp tục được bật tăng tốt lên quanh mức 1,16 tệ/con-tương đương 4.000 đồng/con do nguồn cung khan hàng.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 14/12/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	9,48	—0,00	▲1,32	32.250
	Gà trắng giống	CNY/con	-	-	-	-
	Vịt thịt	CNY/kg	9,92	▲0,02	-	33.750
	Vịt giống	CNY/con	1,16	▲0,30	-	3.950
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	45,0	—0,00	-	31.100
	Gà nửa con	Baht/kg	100,0	—0,00	-	69.100
	Gà giống (CP)	Baht/con	20,0	—0,00	-	13.820
Campuchia	Gà trắng	Riel/kg	5.500-6.000	—0,00	-	31.630-34.500
	Gà lai	Riel/kg	8.500-9.500	▲500,0	-	48.880-54.630
	Thịt vịt	Riel/kg	14.000	—0,00	-	80.500
Lào	Gà đò	Kip/ kg	45.000-60.000	—0,00	-	61.650-82.200
Indonesia	Gà trắng	IDR/kg	21.869	▲72,0	-	33.240
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,47	▼0,02	▲0,30	34.910
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,49	▼0,02	▲0,31	35.390
Mỹ (miền Trung)	Gà sống	Cents/pound	59,0-68,0	—0,00	-	30.930-35.650
	Đùi gà	Cents/pound	43,0-56,0	—0,00	-	22.540-29.360
	Cánh gà	Cents/pound	82,0-112,0	—0,00	-	42.990-58.720

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 14/12/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
	Trứng gà	CNY/kg	10,84	—0,00	-	36.880

Trung Quốc	(DCE) Kì hạn T1/2023	CNY/500kg	4.288	▼3,00	▲48,00	29.180
	(DCE) Kì hạn T2/2023	CNY/500kg	4.148	▼22,0	▲286,0	28.220
	(DCE) Kì hạn T3/2023	CNY/500kg	4.171	▼25,0	▲297,0	28.380
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	340,0	—0,00	-	2.350
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	376,0	—0,00	-	2.600
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	359,6	—0,00	-	2.480
Lào	Trứng gà	Kip/ quả	1333-2.000	—0,00	-	1.810-2.720
Campuchia	Trứng gà	Riel/ quả	550,0	—0,00	-	3.160

Mỹ

Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
10/12/2022	167837	+0.21
03/12/2022	167477	+34.06
26/11/2022	124927	-26.32
19/11/2022	169551	-0,37
12/11/2022	170187	+1,37

THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.402	▲0,14
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	25.617	▼0,19

IDR (Indonesia)	IDR/VND	1,52	▲0,66
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,75	▲0,17
Kip (Lào)	Kip/VND	1,36	▼0,73
THB (Thái Lan)	THB/VND*	691	▼0,51
USD (Mỹ)	USD/VND*	23.750	▼0,38

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 15/12/2022

13:30 15/12/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 15/12/2022

THỊ TRƯỜNG HEO	
<u>Giao dịch heo hơi nội địa</u>	
<u>Miền Bắc</u>	<p>Giá heo hơi vẫn duy trì mức giá phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, mức giá trên và dưới quãng này cũng có tùy vào biểu cân to/nhỏ và tùy vào chất lượng heo.</p> <p>Ở khu vực nuôi gột, các trại có xu hướng đẩy mạnh bán ra lượng heo vào tháng trước để tấp vào nuôi đợt mới, kịp xuất hàng phục vụ Tết.</p>
<u>Miền Trung/miền Nam</u>	<p>Nguồn cung heo có chiều hướng vẫn hơn giữ giá heo không có biến động mới, dao động từ 49-52.000 đồng/kg. Heo từ khu vực này vẫn được đóng ra Bắc tiêu thụ, trong đó có cả heo phục vụ nuôi gột và heo bán thịt luôn.</p>
<u>Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ</u>	
<u>Chợ đầu mối miền Bắc</u>	<p><u>Chợ Ngọc Lũ</u></p> <p>- Lượng heo về chợ hôm nay tiếp tục đạt cao, đạt trên dưới 4.500 con, trong đó heo từ miền Trung/ miền Nam đưa ra tầm 12-13 xe.</p> <p>- <u>Giao dịch tại chợ</u>: Giao dịch heo tại chợ vẫn chậm do ít khách, giá heo đầu vẫn được 55-56.000 đồng/kg, phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, hàng chân có cả mức dưới 45.000 đồng/kg, chợ vẫn còn tồn heo sang hôm sau.</p>
<u>Chợ đầu mối/lò mổ miền Nam</u>	<p><u>Chợ Tân Xuân</u></p> <p>- Rạng sáng nay, lượng heo nhập lò đạt hơn 5.400 con, nhập chợ hơn 5.200 con, tương đương hôm qua.</p>

- <i>Giao dịch tại chợ</i> : Dù lượng heo về giảm nhưng do cánh pha lóc mua yếu nên chợ nay bán kém hơn, đầu và giữa phiên giao dịch linh xình, cuối phiên rút còn 52.000 đồng/kg trở lên với heo mỡ, 57-58.000 đồng/kg với heo ngon.
Tại các lò mổ HCM , lượng heo đưa về giết mổ trong hôm qua và hôm nay có chiều hướng tăng mạnh, đạt hơn 7.500 con/ngày. Tính chung trong 15 ngày đầu tháng, tổng lượng giết mổ đạt hơn 110 nghìn con, nhiều hơn 4.1% so với cùng kỳ tháng trước và hơn 20.5% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mỗi ngày mổ nhiều hơn lần lượt khoảng 288 con và gần 1.300 con.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, giá heo hơi vẫn duy trì mức giá phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, mức giá trên và dưới quăng này cũng có tùy vào biểu cân to/nhỏ và tùy vào chất lượng heo. Ở khu vực nuôi gột, các trại có xu hướng đẩy mạnh bán ra lượng heo vào tháng trước để tấp vào đợt mới, kịp xuất hàng Tết.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Heo hơi			
Heo công ty-Miền Bắc	53.500-56.500	53.500-56.500	53.500-56.500
Heo dân	Thái Bình	52.000-54.000	52.000-54.000
	Bắc Giang	52.000-54.000	52.000-54.000
	Hà Nội	52.000-54.000	52.000-54.000
Heo giống			
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	134,000-139,000	134,000-139,000	134,000-139,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1,100,000-1,300,000	1,100,000-1,300,000	1,100,000-1,500,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1,350,000-1,500,000	1,350,000-1,500,000	1,350,000-1,600,000

2. Miền Trung

- Tại **miền Trung và miền Nam**, nguồn cung heo có chiều hướng vẫn hơn giữ giá heo tiếp tục không có biến động mới, dao động từ 49-52.000 đồng/kg. Heo từ khu vực này vẫn được đóng ra Bắc tiêu thụ, trong đó có cả heo phục vụ nuôi gột và heo bán thịt luôn.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	52.000-56,000	52.000-56,000	52.000-56.000
	Nam Trung Bộ	49.000-54.000	49.000-54.000	49.000-55.000
Heo dân	Nghệ An	50.000-52,000	50.000-52,000	50.000-53.000
	Bình Định	49.000-52.000	49.000-52.000	50.000-53.000
	Đắk Lắk	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-52.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	52.000-55.000	52.000-55.000	52.000-55.500
	Miền Tây	52.000-55.000	52.000-55.000	52.000-55.500
Heo dân	Đồng Nai	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-53.000
	Tiền Giang	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000
	Bến Tre	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		115,000-130,000	115,000-130,000	115,000-130,000
Heo công ty – loại xách tại 6-7 kg (VND/con)		1,650,000-1,750,000	1,650,000-1,750,000	1,650,000-1,750,000
Heo dân – loại xách tại 7-9 kg (VND/con)		1,500,000-1,700,000	1,500,000-1,700,000	1,500,000-1,700,000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

Miền Bắc

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, lượng heo về chợ hôm nay tiếp tục đạt cao, đạt trên dưới 4.500 con, trong đó heo từ miền Trung/miền Nam đưa ra tầm 12-13 xe. Giao dịch heo tại chợ vẫn chậm do ít khách, giá heo đầu vẫn được 55-56.000 đồng/kg, phổ biến quanh 52-53.000 đồng/kg, hàng chân có cả mức dưới 45.000 đồng/kg, chợ vẫn còn tồn heo sang hôm sau.

Miền Nam

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay, lượng heo nhập lò đạt hơn 5.400 con, nhập chợ hơn 5.200 con, tương đương hôm qua. Chợ nay bán kém hơn, đầu và giữa phiên giao dịch linh xình, cuối phiên rút còn 52.000 đồng/kg trở lên với heo mỡ, 57-58.000 đồng/kg với heo ngon.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

Khu vực	Chợ đầu mối	15/12/2022	14/12/2022
	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	>4,500	>4,500

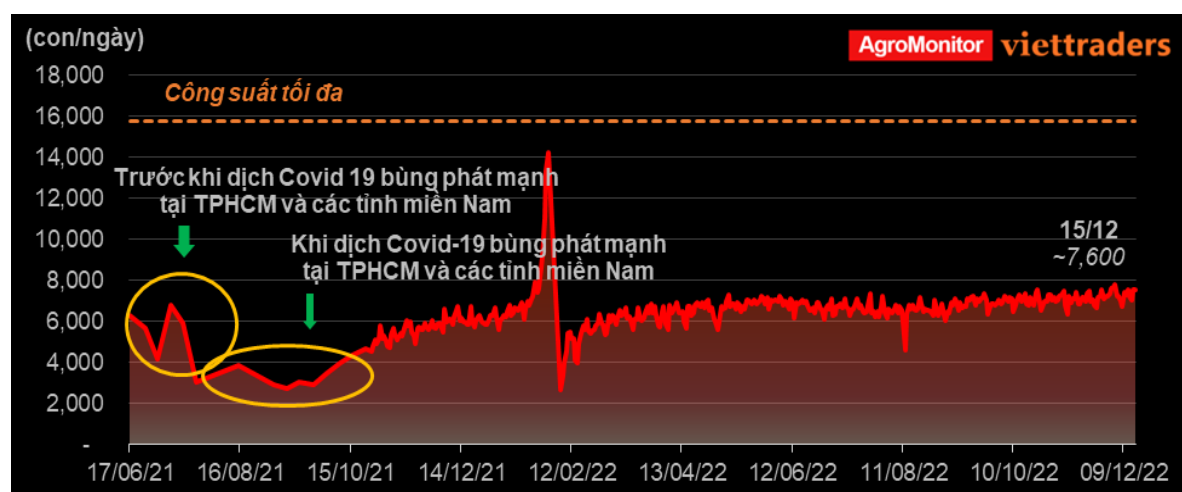
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Giá giao dịch tại chợ phổ biến (đồng/kg)	52,000-56,000	52,000-56,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	5,231	5,260
		Giá giao dịch chủ yếu (đồng/kg)	52,000-71,000	53,000-71,000

Bảng 5. Giá heo mạnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	15/12/2022	14/12/2022
Heo mạnh	Công ty	CP - miền Bắc	72,000-75,000	72,000-75,000
		CP - miền Nam	66,500-70,000	66,500-70,000
		CJ - miền Nam	67,000	67,000
		Eminvest - miền Nam	67,000	67,000
Heo móc hàm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	66,000-68,500	66,000-68,500
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000	50,000
	Công ty	CP - miền Nam	39,000	39,000

- Tại các lò mổ HCM, lượng heo đưa về giết mổ trong hôm qua và hôm nay có chiều hướng tăng mạnh, đạt hơn 7.500 con/ngày. Tính chung trong 15 ngày đầu tháng, tổng lượng giết mổ đạt hơn 110 nghìn con, nhiều hơn 4.1% so với cùng kỳ tháng trước và hơn 20.5% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mỗi ngày mổ nhiều hơn lần lượt khoảng 288 con và gần 1.300 con.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 15/12/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 6. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Tại miền Bắc, dịch bệnh trên heo vẫn lai rai ở khắp các vùng
Miền Trung	- Tại miền Trung, dịch bệnh trên heo cũng vẫn lai rai ở các địa phương.
Miền Nam	- Tại cả miền Đông và miền Tây, dịch tả châu Phi vẫn đang nở rộ tại khắp các vùng, bao gồm cả công ty và trại tư nhân.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	15/12/2022	14/12/2022
Bò cái già	74,000-77,000	74,000-77,000
Bò cái tơ	80,000-82,000	80,000-82,000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	81,000-85,000	81,000-85,000
Bò cày – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	91,000-92,500	91,000-92,500
Bò nội – bò 3B	94,000-97,000	94,000-97,000
Bò tuốt – khu vực Hải Bôi (Đông Anh) – bò Úc	195,000	195,000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	197,000	197,000
Bò tuốt – bò ta	205,000	205,000

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	15/12/2022	14/12/2022
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	82,000-83,000	82,000-83,000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	80,000-81,000	80,000-81,000
Bò cày – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	88,000-90,000	88,000-90,000
Bò tuốt nội địa	167,000-168,000	167,000-168,000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 15/12/2022

13:59 15/12/2022


BẢN TIN THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

NGÀY 15/12/2022

I. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 15/12/2022

<p style="text-align: center;">GÀ TRẮNG</p>	<p>▶ <u>Tình hình giao dịch</u></p> <p>- Tại miền Bắc, biểu gà to tại một số công ty vẫn hơn đẩy giá hàng đầu nhích nhẹ lên 27.000 đồng/kg. Theo nhận định của thương nhân, nguồn cung gà toàn miền Bắc nhìn chung vẫn còn dồi dào, gà trắng biểu to vẫn sẵn hàng bắt khiến giá khó giữ nhịp tăng bền.</p> <p>- Tại miền Nam, , giá gà tiếp đà tăng lên phổ biến 36-38.000 đồng/kg do nguồn cung gà lông khan hàng cùng với tiêu thụ những dịp lễ cuối năm có tín hiệu tích cực.</p> <p>▶ <u>Lưu chuyển gà nội địa</u></p> <p>- Gà trắng tại Thanh Hóa đang được gom chủ yếu vào Đà Nẵng, Nha Trang tiêu thụ, ước tính gần 10.000 con/ngày với giá lên xe 25-26.000 đồng/kg, giá xuống xe được 34-36.000 đồng/kg.</p> <p>▶ <u>Lưu chuyển gà Cam</u></p> <p>- Giá gà trắng miền Nam, Việt Nam tăng liên tục khiến gà từ Cam tiếp tục được đưa về miền Nam tiêu thụ tuy nhiên lượng đi nhỏ giọt do vướng nhiều thủ tục phức tạp.</p>
<p style="text-align: center;">GÀ MÀU</p>	<p>▶ <u>Tình hình giao dịch</u></p> <p>- Tại miền Bắc, giao dịch ổn định 45-46.000 đồng/kg với gà ta lai CP 75 ngày và 53-55.000 đồng/kg với gà công ty nuôi 90 ngày. Nguồn cung gà trong dân có chiều hướng vẫn lại hỗ trợ giá dân lẫn công ty có thể sẽ ngưng giảm và quay đầu hồi phục trong thời gian tới.</p> <p>- Tại miền Nam, nguồn cung gà mái khan hơn hỗ trợ mặt bằng giá gà ta lai Cp nuôi 75 ngày tăng lên quanh mức 46-48.000 đồng/kg.</p> <p>▶ <u>Lưu chuyển gà nội địa</u></p> <p>- Gà Japfa Nghệ An vẫn được đóng đều ra khu vực Hà Nội tiêu thụ với giá lên xe 55.000 đồng/kg tuy nhiên lượng đi rất ít chỉ khoảng 2-3.000 con/ngày.</p>
<p style="text-align: center;">VỊT</p>	<p>▶ <u>Tình hình giao dịch</u></p> <p>- Tại miền Bắc, giá vịt giữ ổn định 28-29.000 đồng/kg, tiêu thụ tốt hơn cùng với lượng vịt tồn kho vẫn lại khiến người chăn nuôi kỳ vọng giá tại trại có thể hồi phục đạt điểm hòa vốn trong thời gian tới.</p> <p>- Tại miền Nam, giá vịt đi ngang ngưỡng 40-43.000 đồng/kg. Nhu cầu hỏi mua của thương lái khá tốt trong khi nguồn cung vịt khỏe khan hiếm đẩy giá tăng tốt và neo ở mức cao trong một tuần trở lại đây.</p>

CHỢ HÀ VỸ	<p> <u>Gà trắng</u></p> <p>- Lượng gà trắng đổ về chợ nay đạt tầm 3.000 con với giá gà nhập về chừng mức 31.000 đồng/kg. Chợ bán chậm, giá bán ra duy trì quanh mức 30-34.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái.</p>
----------------------	--

Gà trắng

- Tại miền Bắc, biểu gà to tại một số công ty vẫn hơn đây giá hàng đầu nhích nhẹ lên 27.000 đồng/kg. Theo đó, các trại dân cũng rục rịch tăng, lên phổ biến 24-26.000 đồng/kg. Theo nhận định của thương nhân, nguồn cung gà toàn miền Bắc nhìn chung vẫn còn dồi dào, gà trắng biểu to vẫn sẵn hàng bất khiến giá khó giữ nhịp tăng bền.

- Tại miền Nam, bất chấp lượng gà đông lạnh giá rẻ xuất ra thị trường tăng cao, giá gà lông vẫn tiếp đà tăng, lên phổ biến 36-38.000 đồng/kg do nguồn cung gà lông khan hàng cùng với tiêu thụ những dịp lễ cuối năm có tín hiệu tích cực.

- Lưu chuyển gà trắng: Gà trắng tại Thanh Hóa đang được gom chủ yếu vào Đà Nẵng, Nha Trang tiêu thụ, ước tính gần 10.000 con/ngày với giá lên xe 25-26.000 đồng/kg, giá xuống xe được 34-36.000 đồng/kg.

- Lưu chuyển gà Cam: Giá gà trắng miền Nam, Việt Nam tăng liên tục khiến gà từ Cam tiếp tục được đưa về miền Nam tiêu thụ tuy nhiên lượng đi nhỏ giọt do vướng nhiều thủ tục phức tạp.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	24,500-27,000	24,500-26,500	21,500-27,500
	Miền Nam	36,000-38,000	36,000-38,000	32,000-35,000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	24,000-25,500	24,000-25,000	21,000-27,000
	Vĩnh Phúc	24,000-26,000	24,000-25,500	21,000-27,000
	Hà Nội	24,000-26,000	24,000-25,500	21,000-27,000
	Miền Trung			
	Thanh Hóa, Nghệ An	25,000-26,000	25,000-26,000	22,000-27,000
	Đà Nẵng	34,000	34,000	31,000
	Nha Trang	36,000	36,000	31,000-35,000

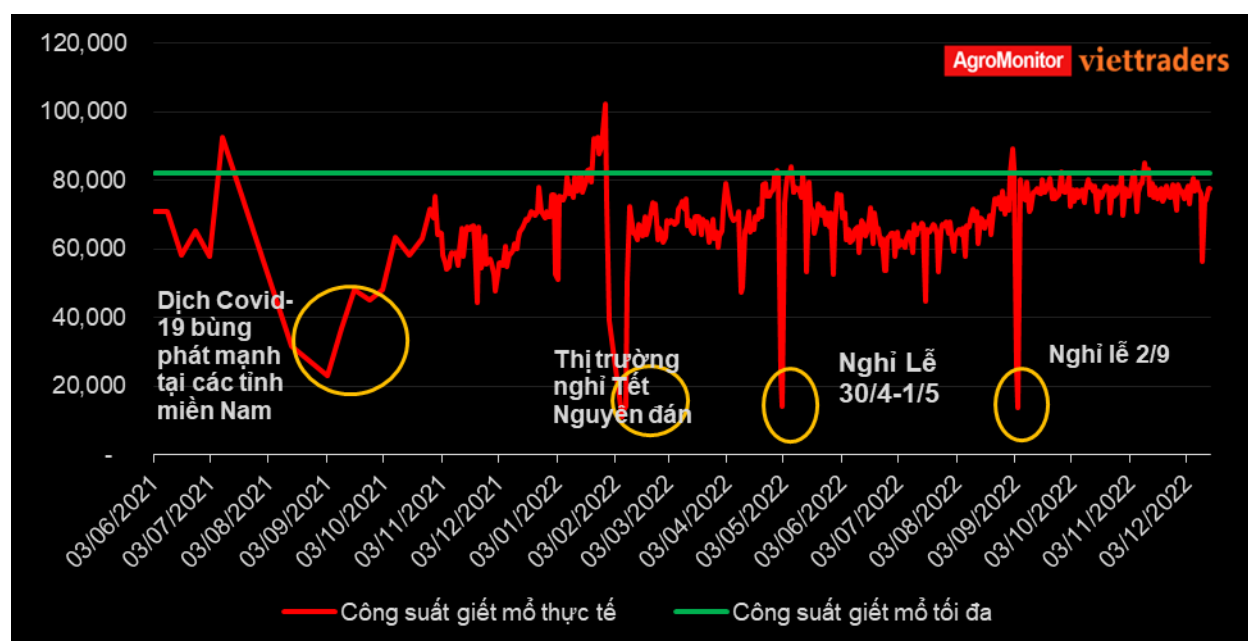
	Lâm Đồng	36,000-38,000	36,000-38,000	34,000-36,000
Miền Nam				
	Bình Dương	36,000-38,000	36,000-37,000	33,000-36,000
	Bình Phước	36,000-38,000	36,000-37,000	33,000-36,000
	Đồng Nai	36,000-37,000	35,000-36,000	32,000-36,000

- Tại lò An Nhơn, trong 15 ngày đầu tháng 12, lượng gia cầm bình quân đưa về giết mổ đạt 75.390 con/ngày giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ tháng 11.

Bảng 2. Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	12/12	13/12	14/12	15/12
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	74,525	74,310	77,571	77,760

Hình 1. Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Bảng 3. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	15/12/2022	14/12/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	13,000-15,000	13,000-15,000
	Ăn cám công ty	12,000-13,000	12,000-13,000
DOC- miền Nam	Bán ngoài	11,000-12,000	11,000-12,000
	Ăn cám công ty	11,000-12,000	11,000-12,000
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	14,000	14,000

Bảng 4. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	15/12/2022	14/12/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(\geq 21.3kg)	2650	2650
	Mix04(\geq 20.3kg)	2550	2550
	Mix05(\geq 19.3kg)	2500	2500
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2450	2450
	Loại 22.5kg	2350	2350
	Loại 21.5kg	2250	2250
	Loại 20.5kg	2150	2150
	Loại 19.5kg	2050	2050

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà các công ty không có điều chỉnh mới vào hôm nay, giao dịch 45-46.000 đồng/kg với gà ta lai CP 75 ngày và 53-55.000 đồng/kg với gà công ty nuôi 90 ngày. Nguồn cung gà trong dân có chiều hướng vẫn lại sau một thời gian dài bán ở mức tương đương thậm chí thấp hơn so với giá công ty. Điều này hỗ trợ giá dân lẫn công ty có thể sẽ ngưng giảm và quay đầu hồi phục trong thời gian tới.

- Tại miền Nam, nguồn cung gà mái khan hơn hỗ trợ mặt bằng giá gà ta lai Cp nuôi 75 ngày tăng lên quanh mức 46-48.000 đồng/kg.

- Lưu chuyển gà màu: Gà Japfa Nghệ An vẫn được đóng đều ra khu vực Hà Nội tiêu thụ với giá lên xe 55.000 đồng/kg tuy nhiên lượng đi rất ít chỉ khoảng 2-3.000 con/ngày.

Bảng 5. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Loại gà màu	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Miền Bắc			
Gà ta lai CP (nuôi 75 ngày)	45,000-46,000	45,000-46,000	45,000-46,000
Gà Dabaco (nuôi 90 ngày)	53,000-55,000	53,000-55,000	58,000
Gà Minh Dư (nuôi 90 ngày)	53,000-54,000	53,000-54,000	53,000-54,000
Miền Trung			
Gà ta lai CP (nuôi 75 ngày)	43,000-45,000	43,000-45,000	40,000-43,000
Gà Minh Dư (nuôi 90 ngày)	46,000-50,000	46,000-50,000	46,000-50,000
Miền Nam			
Gà ta lai CP (nuôi 75 ngày)	46,000-48,000	46,000-47,000	43,000-47,000
Gà Dabaco (nuôi 90 ngày)	50,000-52,000	50,000-52,000	50,000-55,000

Gà Minh Dư (nuôi 90 ngày)	49,000-50,000	49,000-50,000	45,000-52,000
---------------------------	---------------	---------------	---------------

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Loại con giống	15/12/2022	14/12/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8,000-9,000	8,000-9,000
DOC-Minh Dư	8,000	8,000
DOC- Tiến Đạt	9,000	9,000
DOC- Lai mía	8,000-9,000	8,000-9,000
DOC- Lai Hồ	8,000	8,000

Bảng 7. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Loại con giống	15/12/2022	14/12/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	5,000	5,000
DOC-Minh Dư	5,000	5,000
DOC- Gà ta lai	5,000	5,000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt giữ ổn định quanh mức 28-29.000 đồng/kg, tiêu thụ vịt tốt hơn cùng với lượng vịt tồn kho vẫn lại khiến người chăn nuôi kỳ vọng giá bán tại trại có khả năng hồi phục đạt điểm hòa vốn trong thời gian tới.

- Tại miền Nam, giá vịt chững lại sau mức tăng hôm qua, đi ngang ngưỡng 40-43.000 đồng/kg. Nhu cầu hỏi mua của thương lái khá tốt trong khi nguồn cung vịt khỏe khan hiếm đẩy giá tăng tốt và neo ở mức cao trong một tuần trở lại đây.

Bảng 8. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	15/12/2022	14/12/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	28,000-29,000	28,000-29,000	26,000-29,000
Miền Trung – Vịt Grimaud	30,000-39,000	30,000-39,000	29,000-38,000
Miền Đông – Vịt Grimaud	40,000-41,000	40,000-41,000	34,000-40,000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42,000-43,000	42,000-43,000	36,000-41,000

Bảng 9. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Loại con giống	15/12/2022	14/12/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	5,000-9,000	5,000-9,000
	DOC- Vịt Grimaud	5,000-9,000	5,000-9,000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5,000-7,000	5,000-7,000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	12,000-12,500	12,000-12,500

DOC- Vịt Cherry	10,000	10,000
-----------------	--------	--------

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ này đạt tầm 3.000 con với giá gà nhập về không có nhiều biến động, chững lại mức 31.000 đồng/kg. Chợ bán chậm, giá bán ra duy trì quanh mức 30-34.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái.

Bảng 1. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	15/12/2022	14/12/2022
Gà trắng	Mua vào	31,000	31,000
	Bán ra	30,000-34,000	30,000-34,000
Gà màu Dabaco	Mua vào	54,000-56,000	54,000-56,000
	Bán ra	62,000	62,000
Gà Japfa	Mua vào	56,000-57,000	56,000-57,000
	Bán ra	62,000-63,000	62,000-63,000